TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 855/2024/HS-PT
Ngày: 15/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng và bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và các điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Trại tạm giam công an tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số 769/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Quang H1 và các bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên", "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Nguyễn Quang H1** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 28/4/1957 tại xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh BG.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 6, HP5 Khu Đô thị Vinhome, phường Phúc Lợi, quận LB, thành phố HN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ.

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1 (đã chết).

Có vợ là Nguyễn Thị B2 và có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2021, đến ngày 29/6/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và "Tạm hoãn xuất cảnh". (Có mặt)

2. Họ và tên: **Phạm Cao K1** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 25/5/1955 tại xã Nghĩa Trung, huyện NH, tỉnh NĐ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 02, Lô 1 Khu Đô thị Phú Hưng, Đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 16, phường Bắc Lệnh, thành phố LC, tỉnh LC.

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Đại học Mỏ địa chất; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn S1 (đã chết) và bà Ngô Thị P1 (đã chết).

Có vợ là Phạm Thị O và có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ sinh nhất năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2021, đến ngày 29/6/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và "Tạm hoãn xuất cảnh".; có mặt.

3. Họ và tên: **Lương Văn N1** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 27/11/1954 tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nhớn 2, xã CĐ, thành phố LC, tỉnh LC.

Nghề nghiệp: Hưu trí,

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Đại học giao thông vận tải; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lương Ngân T2 (đã chết) và bà Mã Thị V1 (đã chết).

Có vợ Doãn Thị Chinh và có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1982 , con nhỏ nhất sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022, đến ngày 24/6/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và "Tạm hoãn xuất cảnh". (Có mặt).

4. Họ tên: **Nguyễn Văn V2** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 21/9/1960 tại xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 025, đường Cù Chính Lan, phường BC, thành phố LC, tỉnh LC.

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Đại học Kinh tế Quốc dân; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn V3 (đã chết) và bà Hoàng Thị K2.

Có vợ là Nguyễn Thị L1 và có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2023 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

5. Họ tên: **Lê Ngọc D1** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 10/11/1969 tại xã Phú Nhuận, huyện NT, tỉnh TH.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 026, phố Lê Lai, Tổ 26 phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Công chức nhà nước (Chủ tịch UBND huyện Mường Khương; Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương)

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Đại học Mỏ địa chất Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Ngọc D2 (đã chết) và bà Trần Thị M1.

Bị cáo có 2 vợ: Vợ thứ nhất là Trần Thị H2 (đã chết); Vợ thứ hai là Nguyễn Thị Bích H3 và có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giam ngày 04/8/2023 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (Có mặt).

6. Họ tên: **Phan Văn C2** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày: 06/3/1963 tại thị trấn Phố Ràng, huyện BY, tỉnh LC.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 03, đường Hoàng Lan, tổ 24, phường Bắc Cường, thành phố LC, tỉnh LC.

Nghề nghiệp: Công chức

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Đại học Mỏ Địa chất; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Ngọc C3 (đã chết) và bà Nông Thị V4.

Có vợ là Đỗ Thị Q và có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2022, đến ngày 26/5/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" và "Tạm hoãn xuất cảnh". (Có mặt).

**** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H1:*** Luật sư Trần Viết Hưng – Văn phòng luật sư Công lý Hà Nội, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng 1916, Tòa nhà FLC Green Apartment, 18A Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc D1:*** Luật sư Lưu Vũ Anh và luật sư Nguyễn Thị Tình – Văn phòng luật sư Tinh Hoa Việt, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 20/718 Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn C2:*** Luật sư Nguyễn Hải Nam và luật sư Trần Việt Hùng – Văn phòng luật sư Trí Việt, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: B10TT5, khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Li La Ma; địa chỉ: Số 044 đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 8 phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang Triệu – Phó Giám đốc; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Công ty TNHH phốt pho vàng Việt Nam; địa chỉ: Lô 6, khu công nghiệp Tằng Lỏong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Cao M2 – Phó Giám đốc; có mặt.

- Bà Vũ Thị L2; địa chỉ: Số 044 đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 8 phường BC, thành phố LC, tỉnh LC; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bà Đỗ Phương T4; địa chỉ: Số 58 Bích Đào, tổ 24 phường BC, thành phố LC, tỉnh LC; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Ngoài ra, Tòa án có triệu tập bị cáo Nguyễn Văn C4, vì bị cáo có "Đơn khiếu nại tố cáo" gửi Tòa án nhân dân cấp cao. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C4 xác nhận bị cáo không kháng cáo, do vậy, Tòa án cấp cao không xem xét đơn của bị cáo C4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số 28/2008/QĐ-BCT ngày 18-8-2008 của Bộ công thương: "*Về việc phê duyệt quy hoạch thăm do, khai thác và tuyển quặng APATIT giai đoạn 2008-2020 có tính đến sau năm 2020*". Tỉnh Lào Cai có trách nhiệm: "*Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp triển khai các dự án nêu tại quyết định này*". Tổng công ty hóa chất có trách nhiệm quản lý, khảo sát, quy hoạch sử dụng và khai thác mỏ quặng APATIT tại Lào Cai.

Ngày 27/4/2009, bị cáo Nguyễn Văn V2 thời điểm này là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000138 cho Công ty TNHH xây dựng thương mại Li La Ma (gọi tắt là Công ty Li La Ma) thuộc Bộ Xây Dựng, thực hiện dự án Khách sạn, nhà hàng trên diện tích đất 37.700 m^2 tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC, tỉnh LC với tổng vốn đầu tư là 5.210.708.000 đồng. Sau khi có Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty Li La Ma đã phối hợp chính quyền xã và các hộ gia đình có đất trong phạm vi 37.700 m^2 tiến hành thống kê đất đai, tài sản, hoa màu trên đất và Công ty Li La Ma tự thoả thuận, tiến hành chi trả tiền bồi thường cho 3 hộ dân, đồng thời đưa máy móc, phương tiện vào khu vực 37.700 m^2 để tổ chức mở đường và san gạt mặt bằng.

Ngày 15/5/2009 bị cáo Nguyễn Mạnh T5 là Giám đốc Công ty Li La Ma ký Văn bản số 21/VB – ĐN gửi Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt nam (gọi tắt là Công ty Apatit) về việc xin nhập số lượng quặng apatit của Công ty Li La Ma trong khi thi công san gạt mặt bằng tại diện tích 37.700 m2. Ngày 30/8/2009, Thừa ký Văn bản số 20/BC-GĐ gửi UBND tỉnh Lào Cai báo cáo, đề nghị với UBND tỉnh Lào Cai cho phép Công ty Li La Ma tiếp tục được thực hiện dự án đầu tư xây dựng khách sạn, nhà hàng và có hướng chỉ đạo để Công ty Li La Ma phối hợp với Công ty Apatit tổ chức khai thác tận thu hết quặng apatit có trong mặt bằng dự án và giao cho Công ty Apatit quản lý, sử dụng tài nguyên quặng apatit để đảm bảo mặt bằng cho Công ty Li La Ma thực hiện đầu tư xây dựng dự án phù hợp với Quyết định số 28/2008/QĐ-BCT ngày 18-8-2008 của Bộ công thương.

Ngày 28-9-2009, Biên bản làm việc xác định tình hình tài nguyên apatit khu vực diện tích đất 37.700 m^2 tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai nêu trên. Thành phần gồm có: Đại diện Sở tài nguyên môi trường và đại diện Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam. *Trong tổng số diện tích đất 37.700 m^2, có 1,8ha chồng lên khai trường 18.*

Căn cứ các báo cáo của các Sở, ngành chức năng, ngày 27/01/2010, bị cáo Nguyễn Văn V2 ký Quyết định số 212/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000138 và chấm dứt thực hiện Dự án này của Công ty Li La Ma.

Do Công ty Li La Ma đầu tư kinh phí thực hiện dự án, nên khi dự án bị thu hồi Công ty đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh giải quyết số kinh phí đã đầu tư. Ngày 07/7/2011 bị cáo Nguyễn Văn V2 ký Văn bản số 1744/UBND-CN V/v: giải quyết vướng mắc kinh phí đã đầu tư của Công ty Li La Ma gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND thành phố Lào Cai; Công ty Apatit; Công ty Li La Ma, trong đó có nội dung: *Đồng ý giao diện tích đất 37.700 m2 đã thu hồi của Công ty Li La Ma cho Công ty Apatit Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy hoạch Apatit (Quyết định số 28/2008/QĐ-BCT ngày 18/8/2008 của Bộ Công thương) và yêu cầu Công ty Apatit Việt Nam thanh toán các khoản chi phí mà Công ty Li La Ma đã triển khai.*

Trong thời gian Công ty Apatit được giao quản lý khu vực 37.700 m^2, ngày 30/8/2011 bị cáo Nguyễn Quang H1 thời điểm này là Tổng Giám đốc Công ty Apatit Việt Nam ký Thông báo số 210/TB – VP kết luận họp Ban Tổng giám đốc Công ty Apatit Việt Nam ngày 25/8/2011, trong đó có nội dung: *"(4). ... Theo đề nghị của Công ty Li La Ma tại văn bản số 30 ngày 24/8/2011 và sau khi xem xét thực tế, Ban Tổng giám đốc thống nhất nguyên tắc tiếp nhận: (-) Ban QLCDA chủ trì phối hợp với Công ty Li La Ma hoàn thành thủ tục giải phóng mặt bằng, thuê đất đảm bảo chủ sở hữu lô đất là Công ty Apatit Việt Nam. (-) Về tận thu tài nguyên apatit tại lô đất 37.700 m2 trên: Cần có giấy chấp thuận của tỉnh Lào Cai về thu hồi tài nguyên, giao đồng chí Lương Văn N1 – Phó Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo Ban QLCDA phối hợp với Công ty Li La Ma làm các thủ tục có liên quan. Sau khi có giấy phép của tỉnh Lào Cai, đồng ý giao cho Công ty Li La Ma tận thu một phần quặng apatit ở lô đất này với các nguyên tắc sau: (+) Công ty Apatit Việt Nam thiết kế khai thác, giám sát toàn bộ hoạt động khai thác. (+) Giao cho Ban khoán của Công ty xác định giá mua sản phẩm. (+) Nghiêm cấm việc bán sản phẩm tận thu ra bên ngoài. (+) Sau khi có đủ điều kiện giao phòng KHTT thương thảo hợp đồng với Công ty Li La Ma về nội dung tận thu quặng apatit tại lô đất 37.700m^2 thuộc thôn 2, xã ĐT".*

Ngày 14/9/2011, bị cáo Lương Văn N1 thời điểm này là Phó Tổng giám đốc Công ty Apatit ký văn bản số 1023/CV – BQLDA gửi UBND tỉnh Lào Cai đề nghị cho phép Công ty Apatit Việt Nam được lập biện pháp khai thác quặng apatit giới hạn trong diện tích 37.700 m^2 nhận bàn giao từ Công ty Li La Ma. Ngày 28/9/2011, bị cáo Doãn Văn H5 thời điểm này là Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký Văn bản số 2671/UBND-CN trả lời Công ty Apatit: " *UBND tỉnh Lào Cai ủng hộ Công*

ty Apatit Việt Nam thực hiện khai thác tận thu quặng…song cần đảm bảo thực hiện đúng quy định theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tạm dừng cấp phép thăm dò khai thác khoáng sản (Công văn số 6033A/VPCP-KTN ngày 30/8/2011 của Văn phòng Chính phủ). Khi Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo mới về cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản và đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định, UBND tỉnh sẽ xem xét giải quyết đề nghị của Công ty".

Ngày 26/3/2012, Phạm Cao K1 – Phó tổng giám đốc Công ty Apatit tiếp tục có Văn bản số 265/CV-BQLDA gửi UBND tỉnh Lào Cai về việc đề nghị cho phép lập biện pháp khai thác tận thu thân quặng apatit có nguy cơ bị mất và trôi lấp trong giới hạn diện tích 37.700 m^2 do Công ty Apatit đang quản lý nhận từ Công ty Li La Ma bàn giao. Nhận được Văn bản số 265/CV-BQLDA.

Ngày 04/4/2012, Nguyễn Văn V2 đã ký Văn bản số 779/UBND-CT giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cụ thể đề nghị của Công ty Apatit và căn cứ vào quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý khai thác khoáng sản, đề xuất giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét. Ngày 09/4/2012, bị cáo Mai Đình Đ thời điểm này là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã giao cho Lê Ngọc D1 - Trưởng phòng Tài nguyên Khoáng sản xem xét, tham mưu giải quyết đề nghị của Công ty Apatit tại Văn bản số 265/CV-BQLDA. Ngày 09/4/2012, bị cáo Lê Ngọc D1 đã tham mưu soạn thảo trình bị cáo Mai Đình Đ ký Văn bản số 385/TNMT-KS báo cáo UBND tỉnh Lào Cai, trong đó có nội dung: *"Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh tạm giao cho Công ty Apatit Việt Nam tổ chức bảo vệ quặng apatit trong phạm vi 37.700 m2thuộc khai trường 18 xã ĐT, thành phố Lào Cai, đồng thời giao cho Công ty Apatit Việt Nam tiến hành cải tạo mặt bằng khu mỏ để xử lý nguy cơ gây sạt lở đất đá , đưa mỏ về trạng thái an toàn nhằm bảo đảm môi trường khu vực xung quanh. Trong quá trình cải tạo mặt bằng nếu khối lượng san gạt có kèm theo khoáng sản thì đề nghị UBND tỉnh cho phép công ty thu hồi và vận chuyển để quản lý và sử dụng theo quy định. Về việc cấp giấy phép khai thác, do đây là mỏ khoáng sản quy mô lớn nằm trong quy hoạch khoáng sản của cả nước và thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Công ty Apatit Việt Nam làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn và giải quyết theo luật khoáng sản năm 2010"*

Nhận được Văn bản số 385/TNMT-KS, lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai giao cho bị cáo Ngô Đức H4 là Chuyên viên Văn phòng tham mưu, giải quyết. Cùng ngày, bị cáo H4 soạn thảo văn bản của UBND tỉnh trình lãnh đạo Văn phòng ký pháp quy.

Ngày 11/4/2012 bị cáo Hoàng trình bị cáo Nguyễn Văn V2 thời điểm này là Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ký Văn bản số 839/UBND-CN gửi Công ty Apatit có nội dung: "*Đồng ý giao cho Công ty Apatit Việt Nam tổ chức bảo vệ quặng apatit trong phạm vi 37.700 m2 thuộc khai trường 18, xã ĐT, thành phố Lào Cai, đồng thời giao cho Công ty Apatit Việt Nam tiến hành cải tạo mặt bằng khu mỏ để xử lý nguy cơ gây sạt lở đất đá đưa mỏ về trạng thái an toàn nhằm bảo đảm*

môi trường khu vực xung quanh. Thời gian thực hiện là 02 tháng kể từ ngày ra văn bản. Trong quá trình cải tạo mặt bằng nếu khối lượng san gạt có kèm theo khoáng sản thì cho phép Công ty Apatit Việt Nam thu hồi và vận chuyển để quản lý và sử dụng theo quy định. Về việc cấp giấy phép khai thác, do đây là mỏ khoáng sản quy mô lớn nằm trong quy hoạch khoáng sản và thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của cả nước đề nghị Công ty Apatit Việt Nam làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn và giải quyết theo luật khoáng sản năm 2010. Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo trên, yêu cầu các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện"

Vào thời gian trước ngày 11/4/2012, bị cáo Nguyễn Quang H1 đang ở Hà Nội để làm thủ tục bay sang Mỹ công tác thì nhận được điện thoại của bị cáo Nguyễn Mạnh T5 thông báo cho biết UBND tỉnh Lào Cai đã có văn bản đồng ý theo đề nghị của Công ty Apatit và Công ty Li La Ma, bị cáo H1 nói: Công ty Li La Ma phải có văn bản đề nghị. Ngày 11/4/2012, bị cáo Thừa đã ký Văn bản số 06/VBĐN nhưng ghi ngày 12/4/2012 và đưa văn bản này cho nhân viên của Công ty đến gặp bị cáo H1 ở tại Sân bay Nội Bài. Bị cáo H1 đã đồng ý theo đề nghị của Công ty Li La Ma và bút phê vào Văn bản này nội dung: "*4/2012 - Nguyên tắc đồng ý; - A Khiêm giải quyết; Lưu ý thực hiện đúng Văn bản của UBND tỉnh Lào Cai"* và ký tên.

Ngày 12/4/2012, bị cáo T5 ký Phương án số 13 về việc cải tạo khu vực 37.700 m2 tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC gửi Công ty Apatit, có nội dung: *"Để đảm bảo an toàn cho đường quốc lộ 4D và các hộ dân xung quanh, cần phải bốc, xúc vận chuyển toàn bộ khối lượng đất, đá có nguy cơ sạt lở trong phạm vi 3,77ha…với khối lượng cần thực hiện bốc xúc 754m^3; khối lượng vận chuyển tới bãi thải khai trường 17 Cos 170 là 3,5km; khối lượng khoan nổ đá 6.000m^3; khối lượng đào rãnh thoát nước 240.000m^3; Dự kiến 350.000.000 đồng sửa chữa đường quốc lộ 4D… "*. Ngày 15/4/2012, bị cáo Nguyễn Văn C4 thời điểm đó là Phó trưởng phòng Phòng Kỹ thuật, điều độ, sản xuất Công ty Apatit đã ghi vào Phương sán số 13 của Công ty Li La Ma nội dung: *"Thống nhất với phương án đã lập; Trong quá trình san tạo mặt bằng nếu xuất hiện các loại quặng apatit yêu cầu tận thu triệt để, tránh tổn thất tài nguyên; Kính đề nghị Tổng Giám đốc Công ty xem xét quyết định"* và ký tên. Sau đó bị cáo Phạm Cao K1 khi đó là Phó Tổng giám đốc Công ty Apatit đã phê vào Phương án số 13 của Công ty Li La Ma nội dung: *"Đồng ý phương án đã nêu, Công ty Li La Ma tổ chức thực hiện theo hợp đồng nguyên tắc đã ký với Công ty Apatit Việt Nam"* và ký tên.

Thực hiện Phương án số 13, từ ngày 12 đến ngày 14/4/2012, bị cáo T5 thuê một số doanh nghiệp, cá nhân nổ mìn, khai thác, vận chuyển quặng apatit về kho Ga 3 của Công ty Apatit Việt Nam, theo hình thức khoán gọn.

Ngày 25/4/2012, bị cáo Nguyễn Quang H1 giao cho bị cáo Cao Văn T6 khi đó là Phó trưởng Phòng Kế hoạch thị trường soạn thảo Hợp đồng kinh tế *(Hợp đồng nguyên tắc)* số 366^A/HĐ – KHTT ngày 12/4/2012 với nội dung: Công ty

Apatit đồng ý giao cho Công ty Li La Ma cải tạo mặt bằng chống sạt lở kết hợp thu hồi quặng apatit trong phạm vi 37.700m^2 thuộc Khai trường 18, xã ĐT, thành phố LC, theo phương án đã được Công ty Apatit phê duyệt. Thời gian: Từ ngày 12/4/2012 đến ngày 12/6/2012. Giá cả *(khoán), (cả VAT)*: Sẽ có phụ lục hợp đồng xác định kèm theo. Nghiệm thu: Sản lượng *(tấn)* quặng apatit *(loại I + III)* xác định qua cầu cân của Công ty Apatit. Sau đó bị cáo Tham trình bị cáo H1 ký Hợp đồng này.

Ngày 26/5/2012, bị cáo T5 và bị cáo H1 ký phụ lục Hợp đồng số 495^A/PL - KHTT, trong đó quy định: Đơn giá thu hồi quặng apatit đã bao gồm phí san tạo mặt bằng là Quặng apatit loại 1 giá: 228.000 đồng/tấn, Quặng apatit loại 3 giá 30.000 đồng/tấn.

Sau khi thực hiện Hợp đồng kinh tế số 366^A/HĐ – KHTT ghi ngày 12/4/2012 giữa Công ty Apatit với Công ty Li La Ma, ngày 27/8/2012 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng, xác định từ ngày 14/4/2012 đến ngày 30/7/2012, bị cáo T5 thuê và trực tiếp chỉ đạo một số cá nhân, doanh nghiệp khai thác và vận chuyển bán cho Công ty Apatit được 167.190 tấn quặng apatit (trong đó Quặng loại I là 128.134 tấn; Quặng loại III là 39.056 tấn) và được thanh toán số tiền 33.424.855.200 đồng.

Đang trong quá trình Công ty Li La Ma thực hiện Hợp đồng kinh tế 366^A ngày 12/4/2012 ký với Công ty Apatit, ngày 30/5/2012, bị cáo T5 ký văn bản số 06 gửi UBND tỉnh Lào Cai đề nghị UBND tỉnh giao lại diện tích 37.700m2 và cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai mà trước đây UBND tỉnh đã cấp cho Công ty Li La Ma để tiến hành đầu tư xây dựng dự án khách sạn, nhà hàng. Nhận được Văn bản số 06 của Công ty Li La Ma, bị cáo Ngô Đức H4 tham mưu, soạn dự thảo văn bản số 1551 *"V/v xem xét giao đất cho Công ty Li La Ma tại xã ĐT, thành phố Lào Cai"* trình bị cáo Nguyễn Văn V2 ký nhưng bị cáo V2 ghi bút phê vào bản dự thảo của Văn bản số 1551 chuyển bị cáo Hưởng giải quyết. Ngày 12/6/2012, bị cáo Doãn Văn H5 ký văn bản số 1551/UBND-CN giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Lào Cai và các ngành có liên quan xem xét đề xuất và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/6/2012.

Ngày 13/6/2012, bị cáo Lê Ngọc D1 cùng ông Nguyễn Trọng C5 - Chuyên viên phòng Quản lý khoáng sản Sở Tài nguyên và Môi trường; đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lào Cai, UBND xã ĐT; đại diện Công ty Apatit có bị cáo Lương Văn N1 thời điểm đó là Phó Tổng Giám đốc, ông Nguyễn Mạnh H6 – Phó ban Quản lý dự án; Công ty Li La Ma có bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã trực tiếp tiến hành kiểm tra thực địa và nghiệm thu công tác san gạt, cải tạo mặt bằng tại khu vực 37.700 m^2, kết quả kiểm tra xác định: *(1). Công ty Apatit Việt Nam đã thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và cải tạo mặt bằng khu mỏ đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Lào Cai tại Văn bản 839, ngày 11/4/2012 trong phạm vi 3,77ha; (2). Các hạng mục công việc đã thực hiện để san gạt và cải tạo mặt bằng*

như sau: Trong phạm vi được giao (3,77ha) Công ty đã thực hiện việc san gạt toàn bộ mặt bằng khu mỏ, bóc đất đá hạ thấp độ cao mặt bằng xuống khoảng 20m…Trong quá trình san gạt, cải tạo Công ty Apatit Việt Nam đã tận thu toàn bộ lượng quặng apatit và đưa về kho chứa của Công ty để quản lý và sử dụng theo quy định (khối lượng cụ thể đề nghị Công ty Apatit Việt Nam có báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trương). (3). Đánh giá chung:…Trong phạm vi được giao Công ty cơ bản tận thu triệt để tài nguyên nhưng phần phía Đông, tiếp giáp với khu vực được giao (giáp với đường quốc lộ 4D) vẫn còn lại một phần tài nguyên quặng apatit. Đoàn kiểm tra thống nhất nghiệm thu các nội dung trên và yêu cầu Công ty Apatit Việt Nam tiếp tục công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản trong phạm vi đã được giao đến khi có chỉ đạo mới của các cơ quan có thẩm quyền" (Bút lục 21580 -21581).

Thực hiện Văn bản chỉ đạo số 1551/UBND-CN ngày 12/6/2012 của UBND tỉnh Lào Cai, ngày 19/6/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì cùng với đại diện Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Lào Cai, Công ty Apatit Việt Nam, Công ty Li La Ma tiến hành họp bàn, đề xuất phương án giải quyết đề nghị của Công ty Li La Ma tại Văn bản số 08/CV – LLM về dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC. Trên cơ sở nội dung cuộc họp, đến ngày 22/6/2012, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai có Công văn số 900/SKH-ĐT báo cáo UBND tỉnh để xem xét cho ý kiến về nội dung: *Về chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành cơ bản ủng hộ chủ trương Công ty Li La Ma đầu tư xây dựng khách sạn, nhà hàng tại khu đất có diện tích 37.700 m2 thuộc thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai. Tuy nhiên, vị trí này hiện đang thuộc phạm vi quản lý của Công ty Apatit Việt Nam, vì vậy đề nghị UBND tỉnh giao Công ty Apatit Việt Nam phối hợp cùng Công ty Li La Ma thống nhất phương án giao đất để đầu tư dự án, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10/7/2012".*

Ngày 30/6/2012, Công ty Apatit có Văn bản số 578/CV-BQLDA báo cáo và đề nghị UBND tỉnh: *(1) Giới thiệu cho Công ty Li La Ma vị trí đất khác để xây dựng khách sạn, nhà hàng. (2) Trong trường hợp không giới thiệu được vị trí đất khác thì đề nghị UBND tỉnh cho phép Công ty Apatit Việt Nam lập biện pháp cải tạo mặt bằng khai thác tận thu hết quặng apatit còn lại trong mặt bằng 37.700 m2sau đó sẽ bàn giao cho công ty Li La Ma thực hiện dự án.*

Nhận được Văn bản số 900 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 578 của Công ty Apatit Việt Nam, ngày 09/7/2012 bị cáo Ngô Đức H4 có Phiếu trình trình Thường trực UBND tỉnh Lào Cai nêu tóm tắt nội dung và đề xuất: *"Thường trực UBND tỉnh chỉ đạo cho Công ty Li La Ma và Công ty Apatit Việt Nam tổ chức họp bàn với nhau và đề xuất phương án cụ thể với UBND tỉnh.* Kèm theo Văn bản số 900 và Văn bản 578 trình bị cáo V2 xin ý kiến chỉ đạo. Bị cáo Nguyễn Văn V2 đã chỉ đạo họp Thường trực UBND tỉnh. Ngày 27/7/2012, Thường trực UBND tỉnh Lào Cai tổ chức họp do bị cáo V2 chủ trì cùng bị cáo Doãn Văn H5, bị cáo Nguyễn Thanh D3 thời điểm đó là Phó Chủ tịch UBND tỉnh, bà Hà Thị N2

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh, bị cáo Ngô Đức H4 và một số Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh họp bàn nhiều nội dung trong đó có nội dung bàn về dự án khách sạn, nhà hàng của Công ty Li La Ma và bị cáo V2 kết luận: *"Đồng ý chủ trương cấp diện tích 37.700 m^2 cho Công ty Li La Ma đầu tư xây dựng dự án khách sạn nhà hàng, nếu còn quặng thì được tận thu…"*. Căn cứ nội dung kết luận của bị cáo V2, bị cáo H4 đã soạn thảo Văn bản số 2160/UBND - CN ngày 02/8/2012 trình bị cáo Nguyễn Văn V2 ký ban hành, với nội dung: (*1) Đồng ý về chủ trương cho Công ty Li La Ma đầu tư xây dựng dự án khách sạn,nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai. Công ty Apatit Việt Nam bàn giao diện tích 37.700 m^2 thuộc khai trường 18 xã ĐT, thành phố Lào Cai cho Công ty Li La Ma lập dự án đầu tư Khách sạn, nhà hàng (UBND tỉnh đã có văn bản số 839/UBND - CN ngày 11/4/2012 giao cho Công ty Apatit quản lý san tạo mặt bằng và tận thu quặng apatit). Trong quá trình thực hiện dự án nếu còn khoáng sản Công ty Li La Ma được tận thu và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định hiện hành. (2) Giao các sở: Tài Nguyên và Môi trường, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; UBND thành phố Lào Cai hướng dẫn chủ đầu tư lập hồ sơ, làm các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp phép dự án. (3) Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày được UBND tỉnh cho phép nghiên cứu lập dự án, nếu nhà đầu tư không thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định, thì chủ trương đầu tư sẽ hết hiệu lực, mọi chi phí liên quan đến dự án nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm.*

Ngày 10/8/2012, Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai có Thông báo số 99/TB-SXD giới thiệu địa điểm đất lập dự án nhà hàng, khách sạn tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai.

Ngày 06/9/2012, Hội đồng thành viên Công ty Apatit Việt Nam tiến hành họp Hội đồng thành viên mở rộng, nội dung thống nhất được ghi nhận tại biên bản họp số 39/BB – HĐTV và Nghị quyết số 40/NQ – HĐTV cùng ngày 24/9/2012 do bị cáo Nguyễn Ngọc B3 thời điểm đó là Chủ tịch Hội đồng thành viên ký, trong đó có nội dung: *"Hội đồng thành viên thống nhất giao Tổng Giám đốc Công ty có Văn bản gửi UBND tỉnh Lào Cai (đồng gửi báo cáo Tập đoàn Hoá chất Việt Nam) báo cáo cụ thể với UBND tỉnh cấp lô đất 37.700 m^2 tại thôn 2, xã Đồng Tuyên, TP Lào Cai nằm trên khai trường 18 có khoáng sản quặng apatit và khai trường này đã được thăm dò đánh giá chuyển đổi trữ lượng, hiện nay Công ty Apatit Việt Nam đang xin cấp phép khai thác. Trong trường hợp tỉnh vẫn yêu cầu giao lại cho Công ty Li La Ma thì đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Công ty Li La Ma khi tận thu quặng để thực hiện dự án cần phải bán lại toàn bộ số quặng apatit thu hồi được cho Công ty Apatit Việt Nam theo giá thoả thuận. Hội đồng thành viên giao Tổng Giám đốc Công ty khẩn trương thực hiện lập hồ sơ xin cấp phép khai thác các khai trường 18, 19,23"*.

Ngày 10/9/2012, Công ty Li La Ma nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai. Ngày 11/9/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai có Văn bản số 1346/SKH-TĐ gửi Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Lào Cai đề nghị tham gia ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án khách sạn, nhà hàng của Công ty Li La Ma. Ngày 12/9/2012, Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai ký Văn bản số 821/SXD-QLN gửi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai, trong đó có nội dung: *"Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng thống nhất đề nghị UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án";* Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai bị cáo Mai Đình Đ ký Văn bản số 1348/TNMT-KS gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai, trong đó có nội dung: *"... Khu vực dự kiến đầu tư xây dựng dự án nằm gần khai trường số 18, thuộc xã ĐT, thành phố Lào Cai ... về tài nguyên trong khu vực mỏ,... xác nhận trong phạm vi 37.700 m2đã cơ bản tận thu triệt để tài nguyên; riêng phần phía Đông nằm giáp phía ngoài khu vực 37.700 m2(giáp với đường Quốc lộ 4D) vẫn còn lại một phần tài nguyên quặng apatit ... Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí về chủ trương đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án nêu trên. Do diện tích của dự án gần với ranh giới của khai trường 18, trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có khoáng sản yêu cầu Chủ đầu tư phải báo cáo các ngành liên quan để xin ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định".*

Căn cứ các Biên bản kiểm tra liên ngành ngày 13/6/2012 về việc cải tạo mặt bằng khu vực thôn 2, xã ĐT, thành phố LC; Văn bản 2160/UBND-CN ngày 02/8/2012 của UBND tỉnh Lào Cai; Thông báo giới thiệu địa điểm đất lập dự án nhà hàng, khách sạn số 99/TB-SXD ngày 10/8/2012 và Văn bản số 821/SXD-QLN ngày 12/9/2012 của Sở Xây dựng; Văn bản số 1348/TNMT-KS ngày 12/9/2012 của Sở Tài nguyên và Môi Trường. Ngày 19/9/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai có Báo cáo số 506/BC-SKH báo cáo UBND tỉnh kết quả xem xét đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai của Công ty Li La Ma.

Sau khi nhận được văn bản ý kiến của Công ty Apatit và đề xuất của Văn phòng UBND tỉnh, bị cáo V2 đã chỉ đạo họp Thường trực UBND tỉnh. Ngày 10/10/2012, Thường trực UBND tỉnh tổ chức cuộc họp dưới sự chủ trì của bị cáo Doãn Văn H5 để nghe Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo đề xuất phương án giải quyết các vướng mắc liên quan đến dự án khách sạn, nhà hàng của Công ty Li La Ma. Tuy nhiên, các đơn vị dự họp đã không đi đến thống nhất. Ngày 13/10/2012, Văn phòng UBND tỉnh có Thông báo số 187/TB – VPUBND về ý kiến kết luận của bị cáo Doãn Văn H5 có nội dung: *giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thống nhất với Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai, Tổng giám đốc Công ty Apatit Việt Nam, Giám đốc Công ty Li La Ma và các cơ quan có liên quan đề xuất phương án giải quyết các vướng mắc đảm bảo theo quy định của pháp luật báo cáo UBND tỉnh giải quyết trước ngày 20/10/2012.*

Ngày 13/11/2012, bị cáo Mai Đình Đ chủ trì họp với các ngành và ký Báo cáo số 221/BC-STN ngày15/11/2012 báo cáo UBND tỉnh Lào Cai kết quả của cuộc họp.

Nhận được Báo cáo số 221 của Sở Tài nguyên và Môi trường, bị cáo Nguyễn Văn V2 bút phê nội dung chuyển bị cáo H5, bị cáo D3 tham gia ý kiến. Ngày 22/11/2012, bị cáo H4 có Phiếu trình trình Thường trực UBND tỉnh Lào Cai và kèm theo Báo cáo số 221 trình các lãnh đạo UBND tỉnh xin ý kiến. Nhận được Phiếu trình này bị cáo H5 bị cáo D3 đều có ý kiến đồng ý với đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 03/12/2012, bị cáo V2 ký Văn bản số 3805/UBND-CN, trong đó có nội dung: *"...(2) Khu vực xin lập dự án của Công ty Li La Ma có diện tích 3,77ha. Trong đó có 0,65ha phía Tây Bắc nằm ngoài khu vực cấm, còn lại 3,12ha nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản. Do đó cho phép Công ty Li La Ma điều chỉnh lại diện tích dự án lấy bám theo mặt đường QL4D (chỉ lấy trong phạm vi từ ranh giới QL4D vào chiều sâu 250 mét) để tiếp tục thực hiện đầu tư khách sạn, nhà hàng. Đối với phần đuôi khai trường 18 chỉ cho phép làm khuôn viên của dự án và trồng cây xanh (không được xây dựng các công trình kiên cố)... (4) Trong quá trình thi công, thực hiện dự án khách sạn, nhà hàng nếu phát hiện có khoáng sản, Công ty Li La Ma phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, nếu được thu gom quặng apatit thì Công ty Li La Ma phải giao lại cho Công ty Apatit Việt Nam để quản lý, sử dụng. (5). Toàn bộ chi phí Công ty apatit Việt Nam đã đền bù, yêu cầu Công ty Li La Ma hoàn trả lại cho Công ty Apatit Việt Nam..."*.

Ngày 04/12/2012, bị cáo Thừa ký Văn bản số 24/CV *"V/v Đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án khách sạn nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC"* gửi UBND tỉnh Lào Cai và Văn bản số 25/CV gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LC xin thống nhất diện tích đất tiếp tục thực hiện dự án xây dựng Nhà hàng, khách sạn tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC trên phần diện tích 3,77ha. Ngày 06/12/2012, bị cáo Đ1 ký Văn bản số 1851/TNMT-VPĐK, có nêu: *"... Sau khi kiểm tra, xác định diện tích và cắm mốc cụ thể tại thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau: (1) Thống nhất việc thực hiện dự án xây dựng nhà hàng khách sạn tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai của Công ty Li La Ma trên phần diện tích đất 37.700 m2(Có sơ đồ thửa đất kèm theo). Đối với phần diện tích đất 0,65ha phía Tây Bắc nằm phía đuôi dự án Công ty Li La Ma chỉ được bố trí làm khuôn viên, trồng cây xanh, không được xây dựng công trình gì theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 3805/UBND - CN ngày 03/12/2012. (2) Công ty Li La Ma có trách nhiệm lập dự án đầu tư đối với diện tích đất 37.700 m2 theo đúng quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3805/UBND - CN ngày 03/12/2012 và các quy định của pháp luật".* Theo chỉ đạo của bị cáo V2, ngày 12/12/2012, chuyên viên văn phòng có Văn bản trình xin ý kiến Thường trực UBND tỉnh về việc Cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án Khách sạn, nhà hàng Thôn 2 xã ĐT, thành phố LC của Công ty Li La Ma, tại các phiếu trình bị cáo Nguyễn Thanh D3 và bị cáo Doãn Văn H5 đều có ý kiến đồng ý đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Đến ngày 17/12/2012, Nguyễn Văn V2 đã ký Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000358 cấp cho Công ty Li La Ma để xây dựng dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC trên diện tích 37.700 m2.

Ngày 03/01/2013, Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai ký Thông báo số 01/TB- SXD giới thiệu địa điểm đất lập dự án và có sơ đồ thửa đất kèm theo. Sau khi thực hiện xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, Công ty Li La Ma đã nộp hồ sơ xin thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 37.700 m^2 dự án khách sạn, nhà hàng. Căn cứ Tờ trình số 87/TTr - TNMT ngày 20/3/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường, bị cáo Doãn Văn H5 ký Quyết định số 755/QĐ - UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Li La Ma, đồng thời ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 059286 cấp cho Công ty Li La Ma với diện tích 37.700 m^2, mục đích sử dụng: Xây dựng khách sạn, nhà hàng theo dự án được duyệt, thời hạn sử dụng đến hết ngày 17/12/2062 và Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai cấp Giấy phép xây dựng số 305/GPXD ngày 03/4/2013 cho Công ty Li La Ma.

Sau đó, Công ty Li La Ma tiến hành đưa máy móc, phương tiện vào khu vực 37.700m^2, thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai để san gạt mặt bằng phát hiện thấy có dấu hiệu khoáng sản. Ngày 15/4/2013, bị cáo Thừa ký Văn bản số 20/CV báo cáo và đề nghị UBND tỉnh Lào Cai chỉ đạo các sở, ngành có liên quan kiểm tra, lấy mẫu phân tích để xác định và kết luận cụ thể: Nếu đúng là khoáng sản thì cho phép Công ty được thu gom và chuyển giao cho Công ty Apatit quản lý, sử dụng theo quy định, tránh lãng phí tài nguyên. Ngày 23/4/2013, bị cáo Nguyễn Văn V2 ký Văn bản số 1340/UBND-CN giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan kiểm tra, xem xét đề xuất của Công ty Li La Ma.

Ngày 27/4/2013, bị cáo Thừa ký Văn bản số 22/CV gửi Công ty Apatit, đề nghị Công ty Apatit Việt Nam kiểm tra phân tích mẫu để xác định và có kết luận cụ thể. Bị cáo Nguyễn Quang H1 đã giao cho Phòng KCS tiếp nhận và kiểm tra phân tích, kết quả báo cáo. Ngày 29/4/2013, Phòng KCS Công ty Apatit Việt Nam có phiếu báo kết quả phân tích 08 mẫu do Công ty Li La Ma đề nghị phân tích trong đó kết quả có 04 mẫu là đất đá, 04 mẫu là quặng apatit có hàm lượng P2O5 lần lượt là 13,13%, 14,31%, 17,18% và 18,69%

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1340/UBND - CN, ngày 03/5/2013, bị cáo Lê Ngọc D1, cùng Chuyên viên Phòng quản lý khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Công thương, UBND thành phố Lào Cai và bị cáo Nguyễn Mạnh T5 tiến hành kiểm tra hiện trạng tại khu vực thực hiện dự án khách sạn, nhà hàng thôn 2, xã ĐT. Kết quả kiểm tra đã được ghi nhận thành biên bản và ngày 15/5/2013 bị cáo Lê Ngọc D1 ký Văn bản số 712/TNMT-KS báo cáo UBND tỉnh Lào Cai, trong đó có nội dung: *Đề nghị UBND tỉnh yêu cầu Công ty Li La Ma trong quá trình thi công san gạt mặt bằng dự án khách sạn,*

nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai phải thường xuyên theo dõi, lấy mẫu và phân tích mẫu để phát hiện các dấu hiệu liên quan đến khoáng sản. Nếu kết quả phân tích có phát hiện quặng (kể cả quặng nghèo và quặng apatit có hàm lượng dưới 18,69% P2O5 như các mẫu đã phân tích) thì đề nghị UBND tỉnh giao cho Công ty Li La Ma gom lại và thoả thuận, thống nhất với Công ty Apatit để có biện pháp thu gom, tập kết, quản lý, sử dụng và chế biến theo quy định. Nhận được Văn bản số 712, bị cáo Ngô Đức H4 đã lập Phiếu trình trình Thường trực UBND tỉnh Lào Cai và kèm theo dự thảo Văn bản số 1717, nội dung văn bản dự thảo có thể hiện các nội dung đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 712, sau đó bị cáo H4 trình lãnh đạo Văn phòng ký pháp quy và có ý kiến vào Phiếu trình rồi trình bị cáo Nguyễn Văn V2 ký văn bản. Khi nhận được Phiếu trình và Văn bản dự thảo (số 1717) bị cáo V2 đã sửa một số nội dung văn bản dự thảo và chuyển trả Phiếu trình lại cho H4. Căn cứ nội dung sửa văn bản dự thảo của bị cáo V2, bị cáo H4 đã sửa văn bản và lập lại Phiếu trình trình lãnh đạo văn phòng ký pháp quy (lần 2). Sau khi chỉnh sửa dự thảo Văn bản số 1717, bị cáo H4 trình bị cáo V2 ký nhưng bị cáo V2 có ý kiến chuyển bị cáo H5 ký. Bị cáo H4 đã sửa lại phần người ký văn bản từ Nguyễn Văn V2 thành Doãn Văn H5 rồi trình lãnh đạo văn phòng ký pháp quy *(lần 3)* và chuyển toàn bộ Phiếu trình, Văn bản số 712/TNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn bản dự thảo số 1717/UBND-CN trình bị cáo Doãn Văn H5 ký.

Ngày 20/5/2013, bị cáo Doãn Văn H5 ký Văn bản số 1717/UBND-CN trong đó có nội dung như sau: "*Xét đề nghị tại Văn bản số 712/TNMT - KS ngày 15/5/2013 của Sở tài nguyên và Môi trường…Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau: (1).Trong quá trình thi công san gạt mặt bằng dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, Công ty Li La Ma phải thường xuyên theo dõi, lấy mẫu và phân tích mẫu để phát hiện các dấu hiệu liên quan đến khoáng sản. Nếu kết quả phân tích có phát hiện quặng (kể cả quặng nghèo), giao cho Công ty Li La Ma thu gom, thỏa thuận, thống nhất với Công ty Apatit Việt Nam để tập kết, quản lý, sử dụng theo quy định...(2). Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND thành phố Lào Cai kiểm tra, giám sát hướng dẫn Công ty Li La Ma thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.*

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai phối hợp với UBND thành phố Lào Cai kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Công ty Li La Ma thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty Li La Ma và Công ty Apatit Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai".

Ngày 20/5/2013, Nguyễn Mạnh T5 ký Văn bản số 26/CV về việc mượn mặt bằng KT15B để tập kết quặng 3 gửi Công ty Apatit và được Công ty Apatit đồng ý và ngày 21/5/2013, Nguyễn Mạnh T5 ký văn bản số 24/CV gửi Công ty Apatit trong đó có nội dung đề nghị: "*Căn cứ vào công văn số 1717, nếu trong quá trình san gặt mặt bằng thi công dự án khách sạn, nhà hàng có phát hiện loại khoáng sản nào đề nghị Công ty Apatit Việt Nam cho Công ty Li la Ma cân nhập kho tại cầu cân Ga 3 và mượn mặt bằng kho lưu khai trường 15B để tập kết. Bên A và*

bên B sẽ thương thảo hợp đồng vào một ngày gần nhất". Bị cáo Nguyễn Quang H1 đã phê chuyển cho bị cáo K1 giải quyết. Bị cáo Phạm Cao K1 đã giao nhiệm vụ cho các phòng chức năng của Công ty. Trong đó giao phòng địa chất trắc địa cấp tài liệu địa chất cho phòng kỹ thuật sản xuất tính toán chất lượng các loại quặng để đảm bảo yêu cầu nhập kho. Phòng KCS quản lý chất lượng theo quy định của Công ty. Quặng nhập qua cầu cân của Công ty, phòng Kế hoạch thị trường quản lý dữ liệu cân và tổng hợp để nghiệm thu. Trên cơ sở số liệu của phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Li La Ma làm hợp đồng cụ thể với Công ty Apatit Việt Nam để tổ chức thực hiện đảm bảo theo văn bản của tỉnh.

Ngày 22/5/2013, bị cáo Nguyễn Quang H1 ký Tờ trình số 67/TTr - TGĐ trình Hội đồng thành viên Công ty Apatit Việt Nam xin ý kiến, trong Tờ trình này có nêu tóm tắt nội dung Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai và Công văn số 24/CV ngày 21/5/2013 của Công ty Li La Ma về việc xin nhập khoáng sản và gửi kèm theo Văn bản số 1717 và Công văn số 24. Ngày 27/5/2013, bị cáo Nguyễn Ngọc B3 thời điểm này là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Apatit Việt Nam đã ký Phiếu xin ý kiến số 74/PXYK - HĐTV xin ý kiến của các thành viên Hội đồng thành viên về Tờ trình số 67/TTr - TGĐ ngày 22/5/2013. Các thành viên Hội đồng thành viên đều cơ bản đồng ý với nội dung tờ trình.

Ngày 23/5/2013, bị cáo T5 tiếp tục ký Văn bản số 26/CV gửi Tổng Giám đốc Công ty Apatit, đề nghị cho công ty Li La Ma mượn mặt bằng kho lưu khoảng 8.000 m^3 của khai trường 15B, Công ty Li La Ma thuê xí nghiệp khai thác 3 san gạt tập kết quặng 3. Khi san gạt xong Công ty nhờ phòng địa chất vào đo đạc để tập kết quặng 3. Bị cáo K1 đã phê vào văn bản này: *"Đồng ý cho Công ty Li La Ma mượn mặt bằng để tập kết quặng lưu tạm thời. Đồng ý cho Xí nghiệp khai thác – 3 lao vụ thiết bị cho Li La Ma".*

Ngày 10/6/2013, bị cáo Bích ký Thông báo số 78/TB - HĐTV của Hội đồng thành viên Công ty Apatit Việt Nam về việc mua lại khoáng sản của Công ty Li La Ma. Trong Thông báo này có nội dung ghi *"Căn cứ đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 67/TTr – TGĐ ngày 22/5/2013; Căn cứ Phiếu xin ý kiến của Hội đồng thành viên với 5/5 phiếu đồng ý. Thông báo: (1) Thống nhất chủ trương tiếp nhận toàn bộ số quặng apatit theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 1717/UBND – CN, ngày 20/5/2013 v/v thực hiện các biện pháp quản lý khoáng sản trong khu vực thi công dự án khách sạn, nhà hàng thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. (2) Đồng chí Tổng Giám đốc Công ty: tổ chức chỉ đạo quản lý sản phẩm nhập kho đảm bảo theo đúng quy định của Công ty về sản phẩm nhập kho. Xác định giá nhập các loại sản phẩm tại kho Công ty trình Hội đồng thành viên Công ty".* Căn cứ Thông báo số 78 trên, ngày 11/6/2013 bị cáo Nguyễn Quang H1 và bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã ký Hợp đồng kinh tế số 446^{A}/ HĐ – KHTT với nội dung: *"Công ty Apatit Việt Nam đồng ý mua lại quặng apatit của Công ty Li La Ma (quặng apatit thuộc dự án khách sạn, nhà hàng thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai theo Quyết định số 755/QĐ - UBND ngày*

29/3/2013 và Quyết định số 1717/UBND - CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai)…Thời gian: từ ngày 12/6/2013 đến ngày 31/12/2013. Giá cả: Hai bên lập phụ lục xác định sau". Ngày 02/7/2013, tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 522/PL – KHTT, trong đó quy định đơn giá mua quặng apatit *(chưa thuế GTGT)* là Quặng 1 là 700.000 đ/ tấn, Quặng 3 là 54.000 đ/tấn, Công ty Apatit Việt Nam nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, Công ty Li La Ma nộp các loại thuế và phí khác theo quy định. Ngày 08/10/2013, hai bên tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 730^{A}/PL – KHTT, trong đó điều chỉnh Công ty Li La Ma nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các loại thuế và phí khác theo quy định. Ngày 07/11/2013 tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 522/PL – KHTT, trong đó điều chỉnh đơn giá mua quặng apatit *(chưa thuế GTGT)* là Quặng 1 là 726.000 đ/tấn, Quặng 3 là 60.000 đ/tấn *(Giá mua quặng Công ty Apatit Việt Nam thực hiện trên cơ sở Tờ trình số 71/TTr - TGĐ ngày 12/6/2013 do bị cáo Nguyễn Quang H1 ký và đã được xin ý kiến tại Phiếu số 80/PXYK ngày 14/6/2013 gửi các thành viên Hội đồng thành viên; Thông báo số 86/TB – HĐTV ngày 01/7/2013 do bị cáo Nguyễn Ngọc Bích ký về việc duyệt giá mua các loại quặng apatit của Công ty Li La Ma).*

Căn cứ vào Văn bản số 2160/UBND-CN ngày 02/8/2012; Giấy chứng nhận đầu tư dự án khách sạn, nhà hàng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy phép xây dựng, Văn bản số 1717/UBND – CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai và Hợp đồng kinh tế số 446^{A} tiêu thụ quặng với Công ty Apatit Việt Nam. Bị cáo T5 đã thuê và chỉ đạo các cá nhân, doanh nghiệp khai thác trái phép quặng apatit và tiêu thụ như sau:

- Năm 2013: Từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2013, Nguyễn Mạnh T5 đã chỉ đạo công nhân viên của Công ty Li La Ma đưa máy móc thiết bị của Công ty Li La Ma và ký hợp đồng với 06 doanh nghiệp, 13 cá nhân nổ mìn, bốc xúc, vận chuyển quặng đất đá. Ngoài ra còn thuê ông Đỗ Văn D4, ông Lưu Văn H7 nguyên là cán bộ Công ty Apatit Việt Nam đã nghỉ hưu để làm công tác chỉ đạo kỹ thuật khai thác và lấy mẫu quặng apatit để phân tích, kiểm nghiệm để tổ chức khai thác quặng apatit trái phép tại khu vực diện tích 37.700m^2 thuộc Khai trường 18 thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai tổng số quặng apatit loại 1 là 174.030,98 tấn, quặng apatit loại 3 là 387.656,96 tấn. Toàn bộ số quặng apatit đã khai thác được đều đã được vận chuyển về các kho của Công ty Apatit Việt Nam để bán cho Công ty Apatit Việt Nam thu về tổng số tiền là 157.086.204.534 đồng *(trong đó có 7.480.295.454 đồng tiền thuế GTGT).*

Trong quá trình Công ty Li La Ma thực hiện Hợp đồng kinh tế 466^{A} và các Phụ lục Hợp đồng đã ký với Công ty Apatit Việt Nam. Ngày 15/7/2013, bị cáo Nguyễn Mạnh T5 ký Văn bản số 30/CV về việc báo cáo tình hình thi công mặt bằng dự án Khách sạn, nhà hàng thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai. Ngày 25/7/2013, bị cáo Vũ Đình T7 – Trưởng phòng Khoáng sản đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp cùng đại diện: Sở Công thương, Sở Xây dựng, Phòng Tài nguyên và môi trường UBND

thành phố Lào Cai, UBND xã ĐT và bị cáo T5 tiến hành lập Biên bản làm việc tại khu vực san tạo mặt bằng dự án nhà hàng, khách sạn tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai theo chỉ đạo của UBND tỉnh Lào Cai tại Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013. Quá trình làm việc đã kiểm tra hồ sơ pháp lý của Công ty Li La Ma đối với việc thực hiện thi công dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT và kiểm tra hiện trạng mặt bằng xây dựng dự án, đã xác định: "*Công ty đã san gạt đến cos +132m và quan sát tại khu vực phát hiện thấy có dấu hiệu quặng apatit và đã tiến hành lấy 3 mẫu và niêm phòng… Theo đại diện Công ty Li La Ma báo cáo khối lượng đã san gạt là 1.137.000m^3 đất đá và 77.199 tấn quặng apatit loại 3 có hàm lượng trung bình là 14,36% P205, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Lào Cai tại Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 công ty đã lấy mẫu đề nghị Công ty Apatit Việt Nam phân tích 4 lần nhưng không xuất trình cho đoàn kiểm tra kết quả phân tích (2 lần là đá sít, 2 lần là quặng nghèo hàm lượng là 14,36% P2O5. Chiều cao san gạt khoảng 69m, với khối lượng san gạt khoảng 22.740.000m^2. Đến nay, đã đổ thải tại các khu vực mặt bằng chợ Cốc San, sát khai trường 15, khai trường 17 ….*" và kiến nghị như sau: "*1. Đề nghị Công ty Li La Ma tận dụng tối đa địa hình tự nhiên để xây dựng nhà hàng, khách sạn… thường xuyên lấy mẫu để phân tích tiềm năng khoáng sản, báo cáo kết quả phân tích mẫu, nếu phát hiện khoáng sản trong quá trình san gạt phải tạm dừng ngay việc san gạt và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 65 Luật Khoáng sản. 2. Công ty Li La Ma phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc báo cáo kết quả phân tích mẫu để xác định tiềm năng khoáng sản…, 3. Khi khai thác đối với thân quặng apatit số 18 sẽ ảnh hưởng đến nhà hàng khách sạn. Do đó nếu nhà hàng, khách sạn được xây dựng sẽ ảnh hưởng đến khai thác được thân quặng số 18…*".

Theo kết quả điều tra tại thời điểm này Công ty Li La Ma đã khai thác quặng apatit trái phép với số lượng lớn và đã ký Hợp đồng số 446^A/HĐ-KHTT ngày 11/6/2013 với Công ty Apatit Việt Nam và đã bán cho Công ty Apatit Việt Nam số lượng là 20.173 tấn quặng apatit loại I và 77.199 tấn quặng apatit loại III. Tuy nhiên, quá trình làm việc, kiểm tra đoàn kiểm tra đã không kiểm tra thủ tục khai thác và địa điểm tập kết quặng, không kiểm tra xác định số lượng quặng apatit mà Công ty Li La Ma đã khai thác và bán cho Công ty Appatit Việt Nam là bao nhiêu. Ngày 31/7/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai có Văn bản số 1175/STNMT - KS về việc thực hiện công tác theo dõi và báo cáo tình hình khoáng sản trong quá trình thi công dự án gửi Công ty Li La Ma và ngày 08/8/2013 Công ty Li La Ma ban hành Văn bản số 34/CV báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường: thời điểm này Công ty đã khai thác được khoảng 20.000 tấn quặng apatit loại 1 và khoảng 80.000 tấn apatit loại 3.

Ngày 09/9/2013, xét Văn bản số 1175/STNMT-KS của Sở Tài nguyên và Môi trường, bị cáo Doãn Văn H5 ký Văn bản số 3389/UBND-CN có nội dung: "*UBND tỉnh yêu cầu Công ty Li La Ma phải hạn chế tối đa san gạt hạ thấp độ cao, phải tận dụng tối đa địa hình tự nhiên để giảm chi phí đầu tư xây dựng và*

không san gạt vào thân quặng (nếu có), không tự ý mở rộng diện tích sang khu vực liền kề và không làm ảnh hưởng đến diện tích đất và các công trình lân cận; Thực hiện đúng nội dung Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai. Thường xuyên lấy mẫu để phân tích tiềm năng khoáng sản, nếu phát hiện có khoáng sản trong quá trình san gạt phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 65 Luật Khoáng sản; Công ty Li La Ma hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc báo cáo kết quả phân tích mẫu để xác định tiềm năng khoáng sản trong quá trình san gạt. Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý".

- Năm 2014: Bị cáo Nguyễn Mạnh T5 trực tiếp chỉ đạo cán bộ, công nhân viên của Công ty Li La Ma đưa máy móc thiết bị của Công ty Li La Ma vào khai trường và tiếp tục ký hợp đồng với 13 doanh nghiệp và 12 cá nhân để thực hiện việc nổ mìn, bốc xúc, vận chuyển quặng, đất đá khai thác quặng apatit trái phép tại diện tích 37.700m^2 thuộc Khai trường 18. Trong quá trình thực hiện khai thác quặng trái phép tại khu vực này, vào tháng 4/2014 bị cáo còn thỏa thuận mua đất của một số hộ dân có đất giáp với diện tích đất 37.700m^2 với tổng diện tích là 22.200m^2 và đã trả bồi thường về đất cho các hộ dân. Sau khi thoả thuận thống nhất với một số hộ dân, Nguyễn Mạnh T5 đã chỉ đạo khai thác quặng apatit trái phép ra ngoài diện tích Công ty Li La Ma được cấp phép xây dựng khách sạn, nhà hàng với diện tích đã khai thác là 22.200m^2. Số quặng apatit khai thác được Công ty Li La Ma tiếp tục thương thảo và ký Hợp đồng bán cho Công ty Apatit Việt Nam, cụ thể :

Ngày 02/01/2014, bị cáo Nguyễn Quang H1 và bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã ký Hợp đồng kinh tế số 07^A/ HĐ – KHTT và Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 221/PL – KHTT ngày 25/3/2014 với nội dung: *"Công ty Apatit Việt nam đồng ý mua lại quặng apatit của Công ty Li La Ma (quặng apatit thuộc dự án khách sạn, nhà hàng thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai theo Quyết định số 755/QĐ – UBND ngày 29/3/2013 và Quyết định số 1717/UBND – CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai)…Thời gian: từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014. Giá cả (chưa bao gồm thuế GTGT) là: Quặng apatit loại 1: 726.000 đồng, quặng apatit loại 3: 60.000 đồng"* - Giá mua quặng Công ty Apatit thực hiện trên cơ sở Tờ trình số 17/TTr - TGĐ ngày 08/3/2014 do bị cáo H1 ký và đã được xin ý kiến tại Phiếu số 15/PXYK ngày 12/3/2014 gửi các thành viên Hội đồng thành viên; Thông báo số 17/TB – HĐTV ngày 24/3/2014 do bị cáo Nguyễn Ngọc B3 ký về việc duyệt giá mua các loại quặng apatit của Công ty Li La Ma).

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 07^A, Phụ lục Hợp đồng số 221 từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014, bị cáo T5 đã chỉ đạo khai thác, vận chuyển về các kho của Công ty Apatit để bán cho Công ty Apatit tổng số quặng apatit loại 1 là 156.261 tấn, quặng apatit loại 2 là 16.766 tấn, quặng apatit loại 3 là 318.659 tấn. Công ty Apatit đã thanh toán cho Công ty Li La Ma tổng số tiền là 147.907.543.014 đồng *(trong đó có 7.043.216.334 đồng tiền thuế GTGT).*

Ngoài việc ký Hợp đồng kinh tế bán quặng apatit cho Công ty Apatit Việt Nam, Nguyễn Mạnh T5 ký Văn bản số 71/CV-LLM ngày 13/6/2014 và Văn bản số 75/ĐN-XQ ngày 19/8/2014 gửi UBND tỉnh Lào Cai về việc đề nghị xin được tháo gỡ khó khăn cho công ty, giải quyết số quặng tồn không bán được cho Công ty Apatit và đã được UBND tỉnh cho bán, tiêu thụ cho các đơn vị, nhà máy chế biến sâu trên địa bàn, cụ thể như sau:

- *Đối với Văn bản số 71/CV-LLM:* Ngày 17/6/2014, bị cáo Doãn Văn H5 ký Văn bản số 2241/UBND-CN giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Công thương xem xét đề nghị của Công ty Li La Ma tại văn bản số 71/CV-LLM. Ngày 20/6/2014, bị cáo Vũ Đình T7 được bị cáo Mai Đình Đ giao nhiệm vụ chủ trì đã cùng với cán bộ Sở Công thương tỉnh Lào Cai và bị cáo Nguyễn Mạnh T5 tiến hành kiểm tra thực địa khu vực san gạt và khai thác quặng apatit tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC (khu vực dự án khách sạn, nhà hàng) của Công ty Li La Ma, sau đó đến bãi tập kết quặng apatit của Công ty Li La Ma tại tổ 30, phường Bắc Cường, thành phố LC kiểm tra. Kết quả kiểm tra thực tế hiện trường xác định khối lượng quặng apatit đang tập kết tại bãi khoảng 30.000 tấn quặng apatit, tại hiện trường kiểm tra bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã báo cáo với bị cáo Vũ Đình Thủy và các thành viên trong đoàn kiểm tra về số quặng 30.000 tấn nêu trên Công ty Li La Ma thu gom trong quá trình san tạo mặt bằng dự án khách sạn nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, hiện nay Công ty Apatit Việt Nam không mua quặng của Công ty Li La Ma vì đang khó khăn về tài chính, để tháo gỡ khó khăn về tài chính cho doanh nghiệp đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho phép liên hệ và giao cho các nhà máy chế biến sâu đối với số quặng apatit nêu trên bị cáo Vũ Đình T7 không có ý kiến gì. Sau đó bị cáo T7 cùng các thành viên trong đoàn kiểm tra về trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai để hoàn thiện biên bản kiểm tra, bị cáo T7 là người trực tiếp soạn thảo biên bản kiểm tra và tại mục 3 Biên bản kiểm tra, bị cáo Vũ Đình T7 đã cùng đoàn kiểm tra và bị cáo Mai Đình Đ, bị cáo Lê Ngọc H8- Giám đốc Sở Công Thương đề nghị UBND tỉnh xem xét, cho phép Công ty Li La Ma liên hệ và cung cấp 30.000 tấn quặng apatit mà Công ty Li La Ma khai thác tại dự án khách sạn, nhà hàng cho các cơ sở tuyển khoáng, chế biến sâu khoáng sản trên địa bàn tỉnh *(các cơ sở tuyển khoáng, chế biến sâu khoáng sản tại khu Công nghiệp Tằng Loỏng).* Căn cứ biên bản kiểm tra trên, bị cáo Mai Đình Đ giao cho bị cáo Vũ Đình T7 soạn thảo và ngày 23/6/2014, bị cáo Đ ký Văn bản số 1024/STNMT-KS báo cáo UBND tỉnh Lào Cai kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Lào Cai tại Văn bản số 2241, trong đó có nội dung: *"(1). Về hiện trạng khu vực đã tập kết quặng: Tại tổ 30 phường Bắc Cường, TP Lào Cai, khối lượng khoảng 17.650m^3 quặng tương ứng khoảng 30.000 tấn. Quan sát thực địa cho thấy khối lượng trên là quặng apatit các loại được tập kết tập trung... (2). Về nguồn gốc quặng: Theo Công ty Li La Ma báo cáo: Khối lượng quặng apatit đã tập kết khoảng 30.000 tấn nêu trên được thu gom trong quá trình thi công san gạt tạo mặt bằng thực hiện dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai do Công ty làm chủ đầu tư.... Công ty đã mượn tạm bãi chứa nêu trên và vận chuyển từ khu vực mặt bằng khách sạn, nhà hàng tại thôn 2*

xã ĐT về tập kết.... (3). Đề xuất, kiến nghị: Căn cứ nội dung nêu trên, ý kiến thống nhất của các ngành tham gia kiểm tra, để thực hiện yêu cầu chế biến sâu khoáng sản, không xuất khẩu quặng apatit theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính Phủ và Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 04/6/2013 của Tỉnh ủy Lào Cai, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất như sau: Đề nghị UBND tỉnh xem xét, cho phép Công ty Li La Ma liên hệ và cung cấp số quặng nêu trên cho các cơ sở tuyển khoáng, chế biến sâu khoáng sản trên địa bàn tỉnh (các cơ sở tuyển khoáng, chế biến sâu khoáng sản tại khu Công nghiệp Tằng Loỏng) để quản lý, sử dụng theo quy định... Nghiêm cấm việc vận chuyển số quặng trên ra khỏi địa bàn tỉnh Lào Cai. Có trách nhiệm kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời các loại thuế, phí, nghĩa vụ có liên quan với Nhà nước đối với khối lượng quặng nêu trên theo quy định....". Nhận được Báo cáo số 1024/STNMT-KS của Sở Tài nguyên và Môi trường, ngày 25/6/2014 bị cáo Ngô Đức H4 lập Phiếu trình Thường trực UBND tỉnh Lào Cai về việc cho phép Công ty Li La Ma tiêu thụ quặng apatit kèm theo Văn bản số 1024 và Văn bản dự thảo số 2594. Khi nhận được Phiếu trình và các tài liệu gửi kèm lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh có ý kiến *"Nhất trí đề xuất của chuyên viên, trình Thường trực xem xét";* bị cáo Nguyễn Thanh D3 có ý kiến *"Đồng ý đề xuất của Chuyên viên Văn phòng";* bị cáo Doãn Văn H5 thời điểm này là chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến bút phê tại phiếu trình nội dung: "*Anh D3 PCT giải quyết trên cơ sở hướng ưu tiên với Công ty Apatit. Nếu thực sự không có nhu cầu tiêu thụ thì tổng hợp đề xuất liên ngành. Đảm bảo giám sát và trách nhiệm về thực hiện luật quản lý về khoáng sản".* Sau khi có ý kiến bút phê tại Phiếu trình ngày 25/6/2014 của bị cáo Doãn Văn H5, ngày 09/7/2014 bị cáo Nguyễn Thanh D3 đã ký Văn bản số 2594/UBND-CN đồng ý cho Công ty Li La Ma được liên hệ và cung cấp số quặng apatit *(30.000 tấn)* trong quá trình thu gom san gạt mặt bằng thực hiện dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai cho các cơ sở tuyển khoáng, chế biến sâu tại khu công nghiệp Tằng Loỏng *(nhà máy tuyển, phốt pho, phân lân)* để quản lý sử dụng theo quy định.

Căn cứ vào Văn bản số 2594/UBND-CN, từ ngày 24/7/2014 đến ngày 10/8/2014, bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã trực tiếp thoả thuận, thương thảo và ký hợp đồng bán quặng apatit loại 1 khai thác trái phép tại khu vực 37.700m^2 Khai trường 18 thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai cho Công ty TNHH Phốt Pho Vàng Việt Nam (Viết tắt là Công ty Phốt pho vàng) tổng 23.837,72 tấn, trong đó: Quặng loại 1 cục là 18.026,22 tấn, Quặng loại 1 bột là 5.811,5 tấn thu về 33.491.143. 534 đồng *(bao gồm cả thuế GTGT và cước vận chuyển)*; cho Công ty Cổ phần hoá chất ĐG Lào Cai (Viết tắt là Công ty ĐG) tổng 19.833,64 tấn, trong đó Quặng loại 1 cục là 14.421,04 tấn, Quặng loại 1 bột là 5.412,6 tấn thu về 23.978.276.000 đồng *(bao gồm cả thuế GTGT và cước vận chuyển).*

- *Đối với Văn bản số 75/ĐN-XQ:* Bị cáo Ngô Đức H4 tham mưu và soạn thảo văn bản số 3286 báo cáo lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách. Ngày 25/8/2014, bị cáo Lê Ngọc H8 thời điểm đó là Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký Văn bản số 3286/UBND-

CN giao cho Sở Công thương chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xem xét đối với đề nghị này của Công ty Li La Ma. Ngày 19/8/2014, ông Đỗ Trường G1 - Giám đốc Sở Công Thương giao nhiệm vụ cho bị cáo Phan Văn C2 thời điểm đó là Phó Giám đốc Sở Công thương chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét đề nghị của Công ty Li La Ma. Ngày 29/8/2014, bị cáo Phan Văn C2 đã chủ trì phối hợp cùng đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường là bị cáo Vũ Đình T7, Công ty Apatit, Công ty Li La Ma đã tiến hành kiểm tra thực địa tại công trình khu vực san gạt mặt bằng thực hiện dự án nhà hàng, khách sạn tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai của Công ty Li La Ma. Quá trình thực hiện việc kiểm tra không tiến hành kiểm tra thủ tục pháp lý đối với số quặng apatit của Công ty Li La Ma đang tập kết đề nghị tiêu thụ, không kiểm tra số lượng quặng apatit mà Công ty Li La Ma đã giao cho Công ty Apatit là bao nhiêu, thủ tục giao nhận như thế nào, không kiểm tra hiện trường dự án để xác định phạm vi, diện tích vị trí khai thác, không kiểm tra về hàm lượng đối với số quặng apatit đang tập kết để xác định loại quặng mà bị cáo C2, bị cáo T7 đã cùng các thành viên Đoàn kiểm tra ký Biên bản kiểm tra xác nhận là quặng loại 3 trong đó bị cáo C2 còn kết luận nội dung trong biên bản như sau: *"Công ty TNHH xây dựng thương mại Li La Ma và Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam đã thực hiện tốt chỉ đạo của tỉnh tại Văn bản số 1717/UBND – CN ngày 20/5/2013. Hiện tại do tiêu thụ sản phẩm của Công ty Apatit gặp khó khăn nên chưa thu mua được hết khối lượng quặng 3 trên của Công ty Li La Ma. Để giải quyết khó khăn tạm thời của Công ty Li La Ma thống nhất đề nghị UBND tỉnh Lào Cai cho phép Công ty Li La Ma chọn lọc phần quặng có hàm lượng cao để bán cho khách hàng chế biến sâu trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Phần còn lại bán cho Công ty apatit theo kế hoạch sản xuất của Công ty apatit".* Căn cứ biên bản kiểm tra này, ngày 03/9/2014 bị cáo Phan Văn C2 đã ký Văn bản số 1111/SCT - KT báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh Lào Cai giải quyết đề nghị của Công ty Li La Ma, trong đó có nội dung: *"...2. Về nguồn gốc quặng apatit . Theo báo cáo của Công ty TNHH XDTM Li La Ma: Quặng apatit được thu gom trong quá trình thi công san tạo mặt bằng thực hiện Dự án nhà hàng khách tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai và dự án này do Công ty TNHH XD TM Li La Ma làm chủ đầu tư và được UBND tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đầu tư... 3. Về tiêu thụ quặng: Quặng do Công ty Li La Ma thu gom được từ khi bắt đầu thi công san tạo mặt bằng dự án nhà hàng khách sạn.....đến nay đã được Công ty TNHH MTV apatit Việt Nam đã và đang thu mua. Tuy nhiên, hiện nay Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam đang gặp khó khăn về tài chính....chưa thể thu mua hết nguồn quặng apatit đang tồn kho trên bãi của Công ty Li La Ma với khối lượng là 88.536 tấn...4. Đề xuất kiến nghị: ...Vì vậy, để giải quyết tháo gỡ khó khăn trước mắt cho Công ty TNHH XDTM Li La Ma . Trên cơ sở ý kiến các ngành, Sở Công Thương đề nghị UBND tỉnh Lào Cai xem xét cho Công ty TNHH XDTM Li La Ma được chọn lọc phần quặng apatit có hàm lượng cao trong khối lượng quặng đang tồn kho trên bãi tập kết như trên để bán cho các nhà máy chế biến sâu trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Phần còn lại bán cho Công ty apatit theo kế hoạch sản xuất của Công ty apatit Việt Nam .."*. Ngày

04/9/2014, UBND tỉnh Lào Cai nhận được Văn bản số 1111 và kèm theo Biên bản làm việc lập ngày 29/8/2014, bị cáo Lê Ngọc H8 đã đọc nội dung văn bản này và biên bản gửi kèm thấy trong biên bản và báo cáo của các Sở, ngành tham mưu và đơn vị tham gia tại bãi tập kết là quặng apatit loại 3 mà xin chọn lọc là rất khó khăn và tốn nhiều nhân lực, hiệu quả thấp nên ngay chiều cùng ngày 04/09/2014, bị cáo H8 đã yêu cầu bị cáo Ngô Đức H4 cùng H8 đến thực địa Khai trường 15B để kiểm tra, xem xét loại quặng Công ty Li La Ma đang tập kết và có gọi bị cáo T5 đến hiện trường, tại đây bị cáo H8 có hỏi bị cáo T5 về việc chọn lọc quặng. Bị cáo T5 trả lời sẽ dùng thủ công nhặt và sàng tuyển được ít nào hay ít ấy. Tại hiện trường bị cáo H8 không kiểm tra thủ tục và nguồn gốc số quặng này và chỉ nói với bị cáo T5 việc chọn lọc là tốn rất nhiều nhân lực, lao động phải am hiểu về chuyên môn kỹ thuật và ra về. Ngay ngày hôm sau, bị cáo Lê Ngọc H8 đã chỉ đạo bị cáo Ngô Đức H4 soạn thảo Văn bản và trình Thường trực UBND tỉnh về việc báo cáo, đề xuất giải quyết đề nghị của Công ty Li La Ma. Bị cáo H4 đã soạn thảo văn bản và Phiếu trình, trong Phiếu trình này có nêu tóm tắt nội dung và đề xuất *"Việc xin được lọc quặng có hàm lượng cao để tiêu thụ cho các nhà máy chế biến sâu trong tỉnh được các ngành ủng hộ. Công ty chỉ được lọc phần quặng apatit có hàm lượng cao trong tổng số 88.536 tấn quặng 3 đã được Công ty thu gom đang để tại bãi tập kết (Khai trường 15B). Nghiêm cấm việc lợi dụng chọn lọc quặng để thu gom từ các nguồn khác. Thời gian đến 31/12/2014"* và gửi kèm theo Phiếu trình là Văn bản số 1111 ngày 03/09/2014 của Sở Công Thương; Biên bản kiểm tra ngày 29/8/2014 và dự thảo Văn bản số 3448 trình Lãnh đạo Văn phòng UBND ký duyệt pháp quy, khi nhận được Phiếu trình lãnh đạo Văn phòng ghi ý kiến bút phê trình Thường trực xem xét, sau bị cáo H4 trình bị cáo Lê Ngọc H8 ký, bị cáo H8 ghi ý kiến đồng ý với công văn đề xuất, yêu cầu các ngành kiểm tra giám sát, có phương án vận chuyển để theo dõi tuyến giao thông. Ngày 05/9/2014, bị cáo Lê Ngọc H8 đã ký Văn bản số 3448/UBND-CN cho phép Công ty Li La Ma được chọn lọc phần quặng apatit có hàm lượng cao trong tổng số 88.536 tấn quặng loại 3 đã được công ty thu gom đang để tại bãi tập kết (khai trường 15B) để tiêu thụ cho các nhà máy chế biến sâu trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Phần còn lại thống nhất với Công ty Apatit thu mua theo kế hoạch sản xuất của Công ty Apatit Việt Nam.

Căn cứ vào Văn bản số 3448/UBND-CN, từ ngày 08/9/2014 đến ngày 26/9/2014, bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã trực tiếp thoả thuận, thương thảo và chỉ đạo Nguyễn Quang T3 – Phó giám đốc Công ty Li La Ma ký hợp đồng bán quặng apatit loại 1 khai thác trái phép tại khu vực 37.700^2 khai trường 18 thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai cho Công ty Đức Giang tổng 71.090 tấn, trong đó Quặng apatit cục hàm lượng cao 43.345 tấn, Quặng apatit bột hàm lượng cao 27.745 tấn thu về 80.028.718.571 đồng *(bao gồm cả thuế GTGT và cước vận chuyển);* cho Công ty Phốt Pho Vàng Việt Nam tổng 19.669,01 tấn, trong đó: Quặng apatit cục hàm lượng cao 13.106,25 tấn, Quặng apatit bột hàm lượng cao 6.562,76 tấn thu về 25.236.754.343 đồng *(bao gồm cả thuế GTGT và cước vận chuyển).*

- Năm 2015: Nguyễn Mạnh T5 tiếp tục chỉ đạo khai thác quặng apatit trái phép tại khu vực 37.700m^2. Số quặng apatit khai thác được bị cáo Nguyễn Mạnh T5 tiếp tục thương thảo và ký Hợp đồng bán cho Công ty Apatit. Cụ thể:

Ngày 04/01/2015, bị cáo Nguyễn Mạnh T5 và bị cáo Nguyễn Quang H1 ký Hợp đồng kinh tế số 131^A/ HĐ – KHTT với nội dung: *"Công ty Apatit Việt Nam đồng ý mua lại quặng apatit loại 3 của Công ty Li La Ma…Thời gian: từ ngày 04/01/2015 đến ngày 31/12/2015. Giá cả (chưa bao gồm thuế GTGT) là: 60.000 đồng".* Ngày 05/01/2015 tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 131^B/PL – KHTT, với nội dung: Công ty Apatit đồng ý mua quặng apatit loại 1 của Công ty Li La Ma với khối lượng ước tính khoảng 500 tấn, giá mua quặng apatit loại 1 *(chưa thuế GTGT)* là 726.000 đ/tấn. Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 131^A và Phụ lục Hợp đồng số 131^B, từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2015, Công ty Li La Ma đã khai thác bán cho Công ty Apatit tổng số quặng apatit loại 1 là 387 tấn, quặng apatit loại 3 là 177.328 tấn với tổng số tiền 11.466.674.100 đồng *(trong đó có 546.032.100 đồng tiền thuế GTGT 5%).*

Trong quá trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư và cho phép Công ty Li La Ma tận thu tiêu thụ quặng apatit, ngày 04/2/2013, Kiểm toán Nhà nước có Văn bản số 99/KTNN-TH về việc thông báo kiến nghị kiểm toán của Tập đoàn Hoá chất Công nghiệp Việt Nam trong đó đã khẳng định:*"Việc UBND tỉnh giao cho Công ty Apatit và Công ty Apatit giao cho Công ty Li La Ma cải tạo mặt bằng chống sạt lở kết hợp tận thu quặng apatit (thực hiện theo Văn bản số 839/UBND-CN ngày 11/4/2012) là trái với quy định của Luật khoáng sản, thẩm quyền cho phép khai thác thu hồi quặng không thuộc UBND tỉnh Lào Cai và không thuộc Công ty Apatit".* Nhận được Văn bản số 99, ngày 27/02/2013, bị cáo Hưởng ký Văn bản số 574/UBND - TM *"V/v Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với Công ty Apatit"* giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư giải trình, báo cáo UBND tỉnh nội dung kiến nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Li La Ma làm khu du lịch sinh thái tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai thuộc Khai trường 18 theo Quyết định số 28/2008/QĐ - BCT ngày 18/8/2008 của Bộ Công thương và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giải trình, báo cáo UBND tỉnh nội dung kiến nghị cho phép Công ty Li La Ma tận thu quặng trên diện tích xây dựng dự án tại Khai trường 18. Thực hiện Văn bản số 574, ngày 07/03/2013, bị cáo Lê Ngọc D1 thời điểm này là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký Văn bản số 49/BC - TNMT tham mưu cho UBND tỉnh giải trình việc cho phép san gạt, cải tạo đưa mặt bằng dự án về trạng thái an toàn tại khu vực thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai và ngày 28/3/2013, trên cơ sở văn bản số 49/BC - TNMT bị cáo V2 ký Văn bản số 984/UBND-TM giải trình kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với Công ty Apatit Việt Nam, xác định: Việc UBND tỉnh Lào Cai giao cho Công ty Apatit tổ chức quản lý, bảo vệ quặng apatit trong phạm vi 37.700m^2 đất tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai thuộc phần đuôi khai trường số 18 là đúng trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 81 Luật khoáng sản (không cho phép khai thác). Việc ký hợp đồng

giữa Công ty Apatit Việt Nam và Công ty Li La Ma là hợp đồng thuê san gạt, cải tạo mặt bằng, trong đó có nội dung thu hồi quặng chứ không phải Công ty Apatit cho phép Công ty Li La Ma khai thác quặng. Việc giao cho Công ty Apatit san gạt, cải tạo để đưa mặt bằng khu vực về trạng thái an toàn và trong quá trình san gạt, cải tạo mặt bằng, để tránh lãng phí, thất thoát tài nguyên khoáng sản UBND tỉnh Lào Cai có văn bản số 839/UBND-CN ngày 11/4/2012 chỉ đạo cho phép Công ty apatit được thu hồi, vận chuyển, quản lý và sử dụng quặng apatit là đúng thẩm quyền, không trái với quy định của Luật Khoáng sản.

Ngày 31/12/2014, Kiểm toán Nhà nước có Văn bản số 394/KTNN - TH chỉ rõ *"(1). Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Li La Ma sử dụng diện tích đất 37.700 m2 tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai làm khu du lịch sinh thái, nằm trong khai trường số 18 tại Quyết định số 28/2008/QĐ- BCT ngày 18/8/2008 của Bộ Công thương về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và tuyển quặng apatit giai đoạn 2008 - 2020 có tính đến sau năm 2020; cho phép Công ty Li La Ma thu gom quặng trong quá trình thi công dự án là chưa tuân thủ quy định tại Điều 65, Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 "Đối với khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại điều 82 tại Luật này, quyết định việc thăm dò, khai thác trước khi dự án được phê duyệt hoặc cấp phép đầu tư"...".* Ngày 05/02/2015, bị cáo Lê Ngọc D1 – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký Báo cáo số 20/BC -STNMT, báo cáo giải trình các nội dung theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại Văn bản số 394, trong đó có nội dung: *"1. Về vị trí, diện tích của dự án khác sạn, nhà hàng và khai trường 18: Hiện nay, Công ty Apatit Việt Nam đang lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép khai thác mỏ quặng apatit tại khai trương 18. Đối chiếu hồ sơ, tài liệu giữa dự án khai thác khai trường 18 của Công ty Apatit Việt Nam với dự án khách sạn, nhà hàng của Công ty Li La Ma cho thấy vị trí, ranh giới, diện tích của hai dự án không có sự chồng lấn và không liên quan đến nhau…".*

Tại bản Kết luận giám định tập thể kết luận giám định tư pháp ngày 27/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai kết luận: (1) Theo quy định của pháp luật thì Văn bản số 2160/UBND-CN ngày 02/8/2012 và Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai không phải là giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép tận thu khoáng sản. (2) Việc Công ty Li La Ma dựa vào Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000358 ngày 17/12/2012 UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Công ty Li La Ma xây dựng dự án: khách sạn, nhà hàng và Văn bản số 2160/UBND-CN ngày 02/8/2012; Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai để khai thác, tận thu, thu gom và tiêu thụ quặng apatit đã khai thác được tại khu vực 37.700m^2 thuộc thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai là khai thác khoáng sản trái phép.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐG ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lào Cai, kết luận: *(1)* Đối với

167.190 tấn quặng apatit mà Công ty Li La Ma đã khai thác được trong quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 366^{A}/HĐ-KHTT ngày 12/4/2012 với Công ty Apatit Việt Nam. Hội đồng xác định trị giá của 128.134 tấn Quặng apatit loại 1 là 93.025.284.000 đồng *(2)* Đối với 1.365.519,71 tấn quặng apatit Công ty Li La Ma đã khai thác được từ năm 2013 đến năm 2015 tại khu vực 37.700m^2 thuộc thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Hội đồng xác định có trị giá là 517.296.958.894 đồng. *(3)*Tổng số lượng quặng apatit các loại Công ty Li La Ma đã khai thác từ năm 2012; 2013; 2014; 2015 có trị giá là 610.322.242.894 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm mười tỷ ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm chín mươi tư đồng).* Riêng đối với 39.056 tấn quặng apatit loại 3, Hội đồng không có cơ sở xác định giá, lý do tại thời điểm này không có giao dịch mua bán đối với loại quặng này trên thị trường.

Tại Kết luận định giá tài sản số 664/KL-HĐĐG ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lào Cai đã ban hành, kết luận: *(1)* Đối với 30.000 tấn quặng apatit loại 1 vào thời điểm tháng 7/2014 có giá là 29.559.000.000 đồng. *(2)* Đối với 88.536 tấn quặng apatit loại 1 vào thời điểm tháng 9/2014 có giá là 87.234.520.800 đồng.

Ngày 27/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai có Quyết định trưng cầu giám định số 102/QĐ-CSKT, trưng cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường giám định khoáng sản. Giám định trữ lượng khoáng sản (quặng apatit) có trong diện tích 37.700m^2 (*Diện tịch dự án khách sạn nhà hàng của Công ty Li La Ma)* tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai. Ngày 16/5/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Kết luận giám định tư pháp, kết luận trữ lượng khoáng sản (quặng apatit loại 1, loại 2, loại 3 có trong diện tích 37.700m^2 thuộc khai trường 18 theo báo cáo địa chất kết quả thăm dò tỷ mỉ khu Làng Mòn - phân vùng Bắc Nhạc Sơn mỏ apatit đến: *(1)* cost 0m có thể tích 724.230m^3, trữ lượng quặng ướt 1.589.036 tấn, trữ lượng quặng khô 1.434.842 tấn. *(2)* cost +93,5m có thể tích 519.790m^3, trữ lượng quặng ướt 1.075.426 tấn, trữ lượng quặng khô 933.067tấn. (3) cost +96,5m có thể tích 499.960m^3, trữ lượng quặng ướt 1.030.666 tấn, trữ lượng quặng khô 892.281 tấn. (4) cost +97,5m có thể tích 491.240m^3, trữ lượng quặng ướt 1.010.880 tấn, trữ lượng quặng khô 874.285tấn và cùng Hàm lượng P_20_5 quặng loại 1 34,59, Quặng loại 2 21,97, Quặng loại 3 15,28.

Căn cứ kết luận giám định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 26/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 619/YC-ĐGTS, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lào Cai xác định trị giá của các loại quặng apatit loại 1, loại 2, loại 3 có trong diện tích 37.700m^2 thuộc Khai trường 18 tại thôn 2 xã ĐT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai mà UBND tỉnh Lào Cai cho phép Công ty Li La Ma khai thác và tiêu thụ trái phép trong quá trình thi công dự án khách sạn, nhà hàng. Ngày 06/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Lào Cai đã ban hành Kết luận định giá tài sản số 113/KL - HĐĐG, kết luận: 1.589.035 tấn quặng apatit các loại có trị giá 689.291.074.200 đồng tại tháng 5/2013; 1.075.426 tấn

quặng apatit các loại có trị giá 378.828.621.600 đồng; 1.030.666 tấn quặng apatit các loại có trị giá 355.645.905.200 đồng; 1.010.880 tấn quặng apatit các loại có trị giá 343.740.390.700 đồng; 1.382.785 tấn quặng apatit các loại có trị giá 522.211.466.000 đồng; 869.176 tấn quặng apatit các loại có trị giá 211.749.013.400 đồng; 824.415 tấn quặng apatit các loại có trị giá 188.566.297.000 đồng; 804.630 tấn quặng apatit các loại có trị giá 176.660.782.500 đồng tại thời điểm tháng 5 năm 2013.

Lợi nhuận về việc mua bán quặng apatit của Công ty Phốt pho vàng và Công ty Đức Giang với Công ty Li La Ma:

Ngày 18/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai có Quyết định trưng cầu giám định số 125/QĐ-CSKT, trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tiến hành giám định về tài chính để xác định số tiền lợi nhuận có được từ việc Công ty Phốt pho Vàng và Công ty Đức Giang ký hợp đồng mua bán quặng của Công ty Li La Ma. Ngày 30/01/2024, Sở Tài chính tỉnh Lào Cai có Bản kết luận giám định tư pháp về tài chính số 40/KL – GĐTP, kết luận có nội dung:

(1). Lợi nhuận của Công ty Đức Giang ký Hợp đồng mua bán quặng apatit số 05082014/DLC-LLM ngày 05/8/2014, Phụ lục hợp đồng số 01/DLC-LLM ngày 11/8/2014 và Hợp đồng mua bán số 08092014/DLC-LLM ngày 08/9/2014, Phụ lục hợp đồng số 01/DLC-LLM ngày 31/10/2014 mua quặng apatit của Công ty TNHH XDTM Li La Ma

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí (Tổng lợi nhuận trong kỳ/Tổng chi phí phát sinh trong kỳ) x 100 = ((192.346.366.301/1.632.494.069.326) x 100%) là: 11,78% (lợi nhuận thu được trên 01 đồng chi phí phát sinh trong năm là: 0,1178 đồng).

Số tiền Công ty Đức Giang mua quặng apatit của Công ty Li La Ma là 81.735.450.127 đồng nhân với tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí là 11,78% theo Kết luận giám định tư pháp về tài chính số 40/KL - GĐTP ngày 30/01/2024 của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai thì ra số tiền là 9.628.436.025 đồng .

(2). Lợi nhuận của Công ty Phốt pho Vàng ký Hợp đồng mua bán quặng apatit ngày 24/7/2014, Phụ lục hợp đồng mua bán quặng apatit số 01/2014/PLHĐ ngày 01/8/2014 và Hợp đồng mua bán quặng apatit năm 2014 số 619/PPVVN-LLM ngày 19/9/2014 mua quặng apatit của Công ty TNHH XDTM Li La Ma.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí ((Tổng lợi nhuận trong kỳ/Tổng chi phí phát sinh trong kỳ) x 100) = ((91.248.405.763/747.372.230.894) x 100%) là: 12,21% (lợi nhuận thu được trên 01 đồng chi phí phát sinh trong năm là: 0,1221 đồng).

Số tiền Công ty Phốt pho Vàng mua quặng apatit của Công ty Li La Ma là 46.617.716.900 đồng nhân với tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí là 12,21% theo Kết luận giám định tư pháp về tài chính số 40/KL- GĐTP ngày 30/01/2024 của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai thì ra số tiền là 5.692.023.233 đồng.

2. Hành vi "Rửa tiền" của Nguyễn Mạnh T5:

Toàn bộ số tiền 451.325.747.027 đồng *(bao gồm cả thuế VAT)* thu được từ việc khai thác, bán 1.365.519,71 tấn quặng apatit từ năm 2013 đến năm 2015, Nguyễn Mạnh T5 đã chỉ đạo nhân viên của Công ty Li La Ma đưa vào hạch toán hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo sổ sách, chứng từ và hồ sơ báo cáo quyết toán thuế hàng năm của Công ty Li La Ma thì toàn bộ số tiền thu được từ việc khai thác, bán quặng đã được Công ty Li La Ma sử dụng: Chi phí bốc xúc, vận chuyển quặng apatit; Chi phí thuê phương tiện, máy móc để khai thác quặng apatit; Chi trả tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho công nhân viên, người lao động; Tiền nộp thuế tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường; Chi thuê khoan phá đá, nổ mìn; Chi mua xăng dầu phục vụ việc khai thác, vận chuyển quặng apatit; Chi mua phụ tùng sửa chữa thay thế máy móc thiết bị... Sau khi trừ đi các chi phí nêu trên, số tiền thu lời bất chính là 177.153.268.708 đồng.

Để hợp thức hoá nguồn tiền thu được từ việc khai thác quặng apatit trái phép, Nguyễn Mạnh T5 đã thỏa thuận với 12 cá nhân mà Công ty Li La Ma thuê vận chuyển quặng và đất đá cho T5 mượn tài khoản để Công ty Li La Ma chuyển nhờ số tiền thu được từ việc bán quặng apatit vào tài khoản của các cá nhân này, khi thanh toán thì trả lại cho T5. T5 đã chỉ đạo các kế toán của Công ty Li La Ma là Lê Văn N3, Đỗ Phương T4, Nguyễn Thị L3, Vũ Thị H9…lập các hợp đồng, biên bản nghiệm thu để nâng khống giá cước vận chuyển quặng, đất đá và nâng khống khối lượng đất đá. Sau đó đến Chi cục thuế huyện Bảo Thắng và Chi cục thuế thành phố Lào Cai mua hóa đơn bán lẻ theo các hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu khống. Tiếp đó T5 chỉ đạo nhân viên kế toán của Công ty Li La Ma thực hiện chuyển tiền thu được từ việc bán quặng apatit đã khai thác trái phép từ tài khoản của Công ty Li La Ma vào tài khoản của 12 cá nhân này. Từ năm 2013 đến năm 2015, T5 đã chỉ đạo thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Li La Ma số tài khoản 8807201000248 và 8810201003144 và 7371188828888 vào tài khoản của 12 cá nhân này nhiều lần với tổng số tiền là 182.783.784.360 đồng, trong đó có 5.630.515.652 đồng là số tiền cước vận chuyển quặng, đất đá thực tế 12 cá nhân này được nhận, số tiền còn lại 177.153.268.708 đồng là tiền nâng khống về giá cước vận chuyển quặng, đất đá, khối lượng vận chuyển đất đá. Sau khi 12 cá nhân nhận được tiền vào tài khoản đã cùng kế toán của Công ty Li La Ma được T5 chỉ đạo rút tiền mặt về đưa cho T5 hoặc nộp vào tài khoản cá nhân của Thừa số tài khoản 8807205067976 và số 8810205062756 mở tại ngân hàng Agribank. Sau Thanh tra Chính phủ có kết luận số 3238 ngày 23/12/2017, Công ty Li La Ma đã nộp bổ sung số tiền thuế, phí là 5.989.509.897 đồng. Số tiền thu lợi bất chính còn lại là 171.163.758.811 đồng.

Đối với số tiền 171.163.758.811 đồng, Nguyễn Mạnh T5 khai nhận đã sử dụng vào những việc sau:

- Dùng 2,1 tỷ đồng để mua 01 lô đất BT15B, diện tích 465 m^2 tại phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai của Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Tiến vào tháng 6/2015 rồi cho con trai là Nguyễn Văn P đứng tên chủ sở hữu;

- Dùng 33.160.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần đồng Tả Phời để mua cổ phần tại Công ty cổ phần đồng Tả Phời (Sau số cổ phần này đã chuyển cho Công ty TNHH MTV Triệu Tiến Vương do Nguyễn Quang t3 con trai T5 làm Giám đốc);

- Rút 5 tỷ đồng từ tài khoản 8807205067976 rồi mở tài khoản tiết kiệm gửi số tiền này vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Lào Cai mang tên Nguyễn Thị L3 *(con gái T5)*;

- Đưa cho con dâu là Đỗ Phương T4 và Đỗ Tuyết M3 gửi tiết kiệm tại các ngân hàng *(số tiền này được gửi làm nhiều lần, có khoản đến kỳ hạn lại rút ra gửi tiếp, sau đó rút ra đưa lại cho T5);*

- Sử dụng số tiền 6.550.000.000 đồng mua đất của các hộ dân ngoài phạm vi 37.700m2 để khai thác khoáng sản trái phép;

- Sử dụng 5 tỷ đồng để biếu cho bị cáo Nguyễn Văn V2 vào dịp tết nguyên đán năm 2015;

- Số tiền còn lại bị cáo khai sử dụng vào nhiều việc khác và đưa cho một số cán bộ lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các Sở, ban ngành của tỉnh, lãnh đạo của Công ty Apatit Việt Nam và một số người khác nhưng quá trình điều tra không làm rõ được.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 14/03/2024 và Thông báo bổ sung, sửa chữa, đính chính cáo trạng số 102/TB-VKST-P2 ngày 24/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T5 về tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"* quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội *"Rửa tiền"* quy định quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Truy tố các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Nguyễn Ngọc B2, Lương Văn N1, Cao Văn T6, Nguyễn Văn B4, Nguyễn Văn C4 về tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"*, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V2, Doãn Văn H5, Mai Đình Đ, Nguyễn Thanh D3, Lê Ngọc H8, Phan Văn C2, Ngô Đức H4, Lê Ngọc D1, Vũ Đình T7 về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, phạm tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"*.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V2, Doãn Văn H5, Lê Ngọc D1, Phan Văn C2 phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Bị cáo Nguyễn Quang H1

Áp dụng Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 227; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2021 đến ngày 29/6/2022. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Bị cáo Phạm Cao K1

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Cao K1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2021 đến ngày 29/6/2022.

2.3. Bị cáo Lương Văn N1

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 38; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Lương Văn N1 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/3/2022 đến ngày 24/6/2022.

2.4. Bị cáo Nguyễn Văn V2

Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

2.5. Bị cáo Doãn Văn H5

Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Doãn Văn H5 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

2.6. Bị cáo Lê Ngọc D1

Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc D1** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 04/8/2023. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

2.7. Bị cáo Phan Văn C2

Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Phan Văn C2 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/6/2022 đến 26/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 128; điểm d khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Về trách nhiệm nộp lại số tiền thu lợi bất chính

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Li La Ma phải nộp lại số tiền 156.592.360.311 đồng *(Một trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn ba trăm mười một đồng)* vào ngân sách nhà nước.

Buộc Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang Lào Cai (nay là Công ty TNHH một thành viên hoá chất Đức Giang Lào Cai) phải nộp lại số tiền 9.628.436.025 đồng *(Chín tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai mươi lăm đồng)* vào ngân sách nhà nước*;*

Buộc Công ty TNHH Phốt pho Vàng Việt Nam phải nộp lại số tiền 5.692.023.233 đồng *(Năm tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu không trăm hai mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)* vào ngân sách nhà nước.

3.2. Về xử lý tài sản, đồ vật bị thu giữ, kê biên; tài khoản bị phong tỏa

3.2.1. Tạm giữ các tài sản của bị cáo Nguyễn Mạnh T5 để đảm bảo thi hành khoản tiền Công ty TNHH xây dựng thương mại Li La Ma phải nộp lại ngân sách nhà nước gồm:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu BMW X6, sơn màu đen, xe đã cũ, đã qua sử dụng, BKS: 24A-009.68, số khung WBAFG21040L512906, số máy 07987842N55B30A, kèm theo 01 chìa khóa xe ô tô, thu giữ của Nguyễn Mạnh T5;

- 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035489 mang tên Nguyễn Mạnh T5, biển số đăng ký 24A-009.68;

- 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD 1778010 cấp cho xe ô tô BKS 24A-009.68 cấp ngày 15/5/2020 thu giữ của Nguyễn Mạnh T5;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 52 ngày 26/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai)

3.2.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước

- Số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Li La Ma do bà Vũ Thị L2 đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai theo các giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 24/01/2022, ngày 04/3/2022, ngày 13/7/2022.

- Số tiền 2.021.398.500 đồng *(Hai tỷ không trăm hai mươi mốt triệu ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)* mà Công ty Cổ phần đồng Tả Phời còn nợ tiền công của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Li La Ma đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai theo Ủy nhiệm chi số 272684622071300001 ngày 13/7/2022 của Công ty Cổ phần đồng Tả Phời – Vinacomin tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

- Số tiền 184.512.328.680 đồng *(Một trăm tám mươi tư tỷ năm trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng)* do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai theo các ủy nhiệm chi số 0000010 ngày 21/3/2022 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Lào Cai, Ủy nhiệm chi số 0000043 ngày 28/6/2022 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cam Đường; Ủy nhiệm chi số 0000052 ngày 28/6/2022 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Lào Cai; Ủy nhiệm chi số 0000001 ngày 28/6/2022 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Sa Pa, Lào Cai; Ủy nhiệm chi số 0000002 ngày 28/6/2022 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Lào Cai II; Ủy nhiệm chi số 0000018 ngày 28/6/2022 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Lào Cai; Ủy nhiệm chi số 0000046 ngày 30/6/2022 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cam Đường; Ủy nhiệm chi số 0000014 ngày 30/6/2022 tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam chi nhánh Lào Cai.

- Số tiền 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)* của bị cáo Nguyễn Văn V2 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000007 ngày 12/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;

- Số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* của bị cáo Doãn Văn H5 đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/7/2023;

- Số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* của bị cáo Nguyễn Thanh D3 đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/8/2023;

- Số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* của bị cáo Lê Ngọc H8 đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/8/2023;

- Số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* của bị cáo Phan Văn C2 đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/8/2022;

- Số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* của bị cáo Mai Đình Đ đã nộp theo các giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/8/2022 và ngày 07/7/2023.

- Số tiền 62.000.000 đồng *(Sáu mươi hai triệu đồng)* của bị cáo Lê Ngọc D1 đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/8/2023;

- Số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* của bị cáo Ngô Đức H4 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000010 ngày 14/5/2024 của Cục thi hành án dân

sự tỉnh Lào Cai.

- Số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* của bị cáo Vũ Đình T7 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000011 ngày 15/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3.2.3. Hủy bỏ một phần Lệnh kê biên tài sản số 01/CQCSĐT-PC03 ngày 08/9/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với tài sản của bị cáo Nguyễn Mạnh T5 gồm: 02 lô đất và nhà xây trên đất tại địa chỉ số 044 Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường BC, thành phố LC, tỉnh LC (02 lô đất gồm: Lô 2-BT15-TN9, diện tích 464 m2 và Lô 8BT6, diện tích 400 m2, địa chỉ thửa đất: tiểu khu đô thị số 1, đại lộ THĐ, thành phố LC, tỉnh LC);

3.2.4. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/CQCSĐT-PC03 ngày 04/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Nguyễn Văn V2 gồm: Đất ở và ở trên đất, thửa đất cấp theo Quyết định số 504/QĐ-QHXD ngày 09/6/1993 của UBND tỉnh Lào Cai, diện tích 100 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị (ODT); nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; địa chỉ thửa đất: Số nhà 116, đường Hoàng Liên, phường CL, thành phố LC, tỉnh LC.

3.2.5. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 03/LKB-CSKT ngày 10/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Nguyễn Thanh D3 gồm:

- Đất và nhà xây trên đất theo Giấy chứng nhận số CX 269947 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/10/2020 cho ông Nguyễn Thanh D3, số vào sổ CS 01922, thửa đất số 76, tờ bản đồ P8-11, diện tích 179,9m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; địa chỉ: tại đường Hoàng Liên, phường CL, thành phố LC, tỉnh LC, nguồn gốc sử dụng: Thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

- Đất và nhà xây trên đất theo Giấy chứng nhận số CC 478498 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 19/4/2016 cho Nguyễn Thanh D3 và bà Phạm Thị S2, số vào sổ CS 0800, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, diện tích 560,5m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; địa chỉ: tại Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Bắc Lệnh, thành phố LC, tỉnh LC. Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà ở: Loại nhà ở Nhà Biệt thự; diện tích xây dựng: 248,7m^2, diện tích sàn: 794,2m^2, cấp (hạng) III, hình thức sở hữu: Sở hữu riêng.

3.2.6. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 04/LKB-CSKT ngày 10/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Lê Ngọc H8 gồm:

- Đất và nhà xây trên đất theo Giấy chứng nhận số phát hành CP 069989 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/01/2019 cho Lê Ngọc H8, số vào sổ CS 04239, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 63, địa chỉ: đường T3, tiểu khu

đô thị số 2, phường BC, thành phố LC, tỉnh LC. diện tích 263,1m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời gian sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà ở: Diện tích xây dựng: 95,8m^2, diện tích sàn: 302,6m^2, cấp (hạng) III.

- 01 Căn hộ chung cư số 1006, Tòa CT2 ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận số BT 555609 do Sở Tài nguyên và Mội trường Hà Nội cấp ngày 04/9/2014 cho Lê Ngọc H8 và vợ là bà Lê Thị Kim O; diện tích sàn: 100,7m^2.

- 01 Căn hộ chung cư số 2411, Trung tâm Thương mại Văn phòng và căn hộ Artemis, số 3 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận số CU 270088 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 24/12/2019 cho Lê Ngọc H8 và bà Lê Thị Kim O; diện tích sàn: 97,5m^2.

3.2.7. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 02/LKB-CSKT ngày 10/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Phan Văn C2 gồm: Đất và nhà xây trên đất theo Giấy chứng nhận số CP 141091 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 25/4/2019 cho Phan Văn C2 và bà Đỗ Thị Q, số vào sổ CS 04432, thửa đất số 102, tờ bản đồ số 63, diện tích 222,2m^2, địa chỉ: Đường TC, tiểu khu đô thị số 2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; Nhà ở: Loại nhà ở Biệt thự song lập; diện tích xây dựng: 96,6m^2, diện tích sàn: 305m^2, cấp (hạng) III, hình thức sở hữu: Sở hữu riêng.

3.2.8. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 02/LKB-CSKT ngày 24/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Lê Ngọc D1 gồm: Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thửa đất số 514, tờ bản đồ P24-11, địa chỉ: phố Lê Lai, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Diện tích 180m^2, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất ở tại độ thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đước cấp Giấy chứng nhận số CP 168678 (vào sổ cấp GCN: CS 02824) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 19/3/2020 cho Lê Ngọc D1 và Nguyễn thị Bích H3

3.2.9. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/CQCSĐT-PC03 ngày 08/9/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Nguyễn Mạnh T5 để đảm bảo thi hành khoản tiền phải nộp lại ngân sách nhà nước của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Li La Ma gồm:

- Thửa đất và nhà xây trên đất, có GCNQSD đất số 00740 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 22/4/2004, thửa đất số 110, tờ bản đồ số P3 – 12, 388,5 m2 (trong đó có 120m^2 đất ở đô thị và 268,5 m2 đất vườn), chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Mạnh T5, bà Vũ Thị L2, địa chỉ thửa đất: tổ dân phố Phú Cường 1, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;

- Thửa đất, có GCNQSD đất số H00019 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 09/10/2007 thửa đất số 52, tờ bản đồ số P6 - 01 diện tích 301m^2 đất ở nông thôn, tên người sử dụng đất: ông Nguyễn Mạnh T5 và bà Vũ Thị L2, địa chỉ thửa đất: thôn An Tiến, xã SH, huyện BT, tỉnh LC;

- Thửa đất (Không bao gồm tài sản trên đất) có GCNQSD đất số T00153 do UBND tỉnh Lào Cai cấp ngày 14/3/2005, diện tích 262.5m2, tên người sử dụng đất: Công ty TNHH xây dựng thương mại Lilama, địa chỉ thửa đất: Khu K30, đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, thành phố LC, tỉnh LC (nay là số nhà 003, đường Nguyễn Huệ, phường PM, thành phố LC, tỉnh LC);

3.2.10. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CQCSĐT ngày 29/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với giá trị 4.080.000 cổ phần mang tên Công ty TNHH MTV Triệu Tiến Vương tại Công ty cổ phần Đồng Tả Phời – Vinacomin để đảm bảo thi hành khoản tiền Công ty TNHH xây dựng thương mại Li La Ma phải nộp lại ngân sách nhà nước.

3.2.11. Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CSKT ngày 10/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 25.200.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng)* để đảm bảo thi hành án và hủy bỏ lệnh phong tỏa đối với số tiền còn lại có trong tài khoản số 044373500004 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Yên Bái của bị cáo Lê Ngọc H8;

3.2.12. Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản 02/LPT-CSKT ngày 10/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 1.307.757.339 đồng và lãi phát sinh có trong tài khoản số 37510001497607 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Lào Cai của bị cáo Lê Ngọc H8

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 10 bị cáo khác, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2024, bị cáo Phạm Cao K1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 07/6/2024, bị cáo Lương Văn N1 kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo Lê Ngọc D1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 10/6/2024, bị cáo Nguyễn Quang H1 kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 10/6/2024, bị cáo Nguyễn Văn V2 kháng cáo xin giảm hình phạt;

Ngày 11/6/2024, bị cáo Phan Văn C2 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 07/6/2024, bị cáo Lê Ngọc D1 kháng cáo xin hưởng án treo;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Phương T4, anh Nguyễn Quang T3 có đơn kháng cáo đề nghị tuyên trả lại lô đất diện tích 262,5m^2 tại địa chỉ 03 đường Nguyễn Huệ, phường LC, thành phố LC, tỉnh LC.

Ngày 12/6/2024, công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam kháng cáo đề nghị không xác định số tiền 5.692.023.233 đồng là tiền thu lợi bất chính và không truy thu số tiền này của công ty.

Ngày 13/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L2 kháng cáo đề nghị trả lại cho bà 01 thửa đất có GCNQSDĐ số H00019 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 09/10/2007 thửa số 52, tờ bản đồ P601, diện tích 301m2 tại địa chỉ: Thôn An Tiến, xã Sơn Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; 01 thửa đất và nhà xây trên đất có GCNQSDĐ số 00740 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 22/4/2004; 01 xe ô tô BMW X6 màu đen, biển kiểm soát 24A-00968 và giấy tờ kèm theo.

Bị cáo Doãn Văn H5 kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 19/6/2024, bị cáo Doãn Văn H5 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 39/2024/HSPT-QĐ ngày 10/7/2024 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Doãn Văn H5.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang H1 và bị cáo Lương Văn N1 thay đổi kháng cáo đề nghị được chuyển sang hình phạt tiền. Bị cáo Phạm Cao K1, Phan Văn C2, Lê Ngọc D1 giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Văn V2 giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt. Đại diện hợp pháp của công ty TNHH phốt pho vàng Việt Nam giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị không truy thu số tiền 5.692.023.233 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, Nguyễn Văn V2, Lê Ngọc D1, Phan Văn C2, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt: Đề nghị phạt tiền bị cáo Nguyễn Quang H1 từ 2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng; phạt tiền bị cáo Lương Văn N1 từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo Phạm Cao K1 từ 03 tháng tù đến 06 tháng; giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn V2 từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù; giảm một phần hình phạt cho bị cáo Lê Ngọc D1 từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phan Văn C2, đề nghị xử phạt bị cáo C2 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị Đỗ Phương T4, anh Nguyễn Quang T3, bà Vũ Thị L2 và Công ty TNHH phốt pho vàng Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên

1.1. Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện

kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

1.2. Hành vi của các bị cáo được thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015 (trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018). Theo hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để điều tra, truy tố và xét xử đối với các bị cáo. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, đối với những điều luật của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.

So sánh khung hình phạt đối với tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"* quy định tại khoản 2 Điều 172 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 thì khung hình phạt tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định mức hình phạt thấp hơn, có lợi cho các bị cáo.

Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1 về tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"* theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V2, Phan Văn C2, Lê Ngọc D1 về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp và có lợi cho các bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội các bị cáo vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên.

2.1. Hành vi của nhóm bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên" (quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017)

Các bị cáo Nguyễn Mạnh T5, Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Nguyễn Ngọc B3, Lương Văn N1, Cao Văn T6, Nguyễn Văn B4, Nguyễn Văn C4 nhận thức rõ việc khai thác quặng apatit phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến 2015, mặc dù chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác quặng apatit nhưng bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đã lợi dụng vào việc Công ty Li La Ma được UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án khách sạn, nhà hàng và sử dụng các Văn bản 839/UBND-CN ngày 11/4/2012, Văn bản số 2160/UBND-CN ngày 02/8/2012, Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 và một số văn bản khác của UBND tỉnh Lào Cai ban hành không đúng quy định của

pháp luật để chỉ đạo khai thác trái phép quặng apatit trong phạm vi diện tích 40.241,97m^2, tổng khối lượng các loại quặng apatit đã khai thác trái phép là 1.532.709,71 tấn, trị giá 610.322.242.894 đồng. Sau khi khai thác, Công ty Li La Ma đã bán phần lớn số quặng được khai thác trái phép cho Công ty Apatit, phần còn lại bán cho Công ty Đức Giang và Công ty Phốt Pho vàng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và chế độ quản lý của Nhà nước trong nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, gây ảnh ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

2.2. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, thấy:

2.2.1. Bị cáo Nguyễn Quang H1:

Bị cáo Nguyễn Quang H1 với cương vị là Tổng Giám đốc Công ty Apatit Việt Nam, là người đứng đầu đơn vị và chịu trách nhiệm cao nhất đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, bị cáo Huy hiểu rõ trình tự, thủ tục khai thác khoáng sản nói chung và khoáng sản Apatit nói riêng, biết rõ Văn bản số 839/UBND-CN ngày 11/4/2012; Văn bản số 2160/UBND-CN ngày 02/8/2012; Văn bản số 1717/UBND-CN ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Lào Cai không phải là giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật và biết rõ khu vực 37.700 m^2 thuộc thôn 2, xã ĐT, thành phố LC nằm trong khai trường 18 là khu vực quy hoạch quặng apatit. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến 2015, bị cáo Huy đã trao đổi, bàn bạc, thương thảo thuê Công ty Li La Ma khai thác trái phép quặng apatit, đồng thời ký các hợp đồng kinh tế mua bán quặng với bị cáo Thừa và chỉ đạo các nhân viên của Công ty Apatit thực hiện các hành vi có liên quan đến việc khai thác trái phép và tiêu thụ quặng apatit tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC.

Cụ thể, bị cáo đã bút phê đồng ý vào Văn bản số 06/VBĐN ngày 12/4/2012 của Công ty Li La Ma có nội dung đề nghị tham gia san tạo mặt bằng, quá trình san tạo nếu có quặng apatit thì sẽ khai thác, vận chuyển về kho của Công ty Aaptit; Ký Hợp đồng kinh tế số 366A ngày 12/4/2012 với Công ty Li La Ma với nội dung giao Công ty Li La Ma cải tạo mặt bằng khu mỏ và tận thu quặng, ký phụ lục Hợp đồng số 495A ngày 26/5/2012; Ký hợp đồng kinh tế số 466A ngày 11/6/2013 với Công ty Li La Ma với nội dung đồng ý mua lại quặng apatit của Công ty Li La Ma và phụ lục hợp đồng số 522 ngày 02/7/2013, Phụ lục hợp đồng số 730A ngày 08/10/2013, Phụ lục hợp đồng số 522 ngày 07/11/2013; Ký Hợp đồng kinh tế số 07^A ngày 02/01/2014, ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 221 ngày 25/3/2014; Ký Hợp đồng kinh tế số 131^A ngày 04/01/2015, ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 131^B ngày 05/01/2015.

Thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký kết, từ năm 2012 đến năm 2015, Công ty Li La Ma đã khai thác trái phép và Công ty Apatit đã tiêu thụ 1.398.279,12 tấn quặng apatit. Vì vậy, bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm với khối lượng quặng apatit được khai thác trái phép mà Công ty Apatit đã tiêu thụ từ năm 2012 đến 2015 là 1.398.279,12 tấn.

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo H1 về tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm*

dò, khai thác tài nguyên" (quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Công văn số 5469/UBND-NC ngày 30-9-2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng, các bị cáo nhận thức rõ sai phạm, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, là công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo Huy thật thà khai báo, ăn năn hối cải và xuất trình sổ tiết kiệm số AAE 2143197; CIF 4984796 ngày 26-9-2024 đến ngày 28-10-2024 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung – Phòng Giao dịch Vincom, số tiền 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng và đề nghị chuyển sang hình phạt tiền.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét, thấy: Bị cáo Nguyễn Quang H1 là người cao tuổi, được tặng thưởng: 02 Huân chương lao động hạng nhì, hạng ba; 01 Huy chương danh dự của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; 01 Huy chương vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn; 01 Huy chương vì thế hệ trẻ; 01 Huy chương vì sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt Nam; 01 Huy chương cựu chiến binh Việt Nam; 02 Bằng khen của Thủ tướng; 12 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai, Bộ Công nghiệp Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Liên đoàn lao động VN; Chủ tịch phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam; 04 Bằng lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Theo Khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 thay đổi theo hướng có lợi cho người phạm tội, cụ thể "bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng…". Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, chuyển hình phạt tiền đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo H1 không phải chịu hình phạt bổ sung số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

2.2.2 Bị cáo Phạm Cao K1:

Bị cáo Phạm Cao K1 giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất, an toàn lao động Công ty Apatit Việt Nam từ năm 2006 đến 2015. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của bị cáo Huy, bị cáo Khiêm đã ký các Văn bản: Văn bản số 265 ngày 26/3/2012 của Công ty Apatit gửi UBND tỉnh Lào Cai xin khai thác, bảo vệ tài nguyên quặng apatit ở diện tích 37.700 m^2; Tham gia ý kiến, chỉnh sửa Hợp đồng kinh tế số 366A ngày 12/4/2012 với Công ty Li La Ma; Phê duyệt đồng ý với nội dung Phương án số 13 ngày 12/4/2012 của Công ty Li La Ma lập; Phân công cán bộ các phòng ban chuyên môn của Công ty Apatit phối hợp với Công ty Li La Ma thực hiện san tạo mặt bằng và khai thác, tận thu quặng, nghiệm thu số quặng Công ty Li La Ma đã khai thác trái phép; Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn của Công ty Apait xuống hiện trường kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật khai thác quặng,... giúp Công ty Li La Ma khai thác quặng trái phép.

Hành vi của bị cáo Khiêm đã giúp cho Công ty Li La Ma tiến hành khai thác trái phép và bán cho Công ty Apatit tổng số 167.190 tấn quặng apatit. Vì vậy, bị cáo Khiêm phải chịu trách nhiệm với khối lượng quặng được khai thác trái phép mà Công ty Apatit đã tiêu thụ năm 2012 là 167.190 tấn.

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Khiêm về tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"* (quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét, thấy: Bị cáo Khiêm có đơn xin chuyển sang hình phạt tiền, với số tiền 400.000.000 đồng, nhưng không xuất trình tài liệu chứng minh có khoản tiền này. Mặt khác, bị cáo xuất trình sổ tiết kiệm thể hiện vợ của bị cáo là Phạm Thị Oanh còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn 5.000.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo không đủ điều kiện chuyển hình phạt tiền.

Bị cáo Phạm Cao K1 là người cao tuổi, vai trò thứ yếu, được tặng thưởng: 01 Huân chương lao động hạng ba; 01 Bằng khen thủ tướng; 06 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai, Bộ Công thương, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; 03 Bằng lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Tại Công văn số 5469/UBND-NC ngày 30-9-2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng, các bị cáo nhận thức rõ sai phạm, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, là công dân có ích cho xã hội.

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm một phần hình phạt cho bị cáo Khiêm.

2.2.3 Bị cáo Lương Văn N1:

Bị cáo Lương Văn N1 giữ cương vị Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực đầu tư, đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty Apatit. Từ năm 2013 năm 2015. Bị cáo đã thực hiện các hành vi sau: Ký Văn bản số 1023 ngày 14/9/2011 của Công ty Apatit gửi UBND tỉnh Lào Cai xin khai thác tận thu quặng apatit trên diện tích 37.700 m^2; Ký Văn bản số 578 ngày 30/6/2012 của Công ty Apatit gửi UBND tỉnh Lào Cai với nội dung đề nghị UBND tỉnh giới thiệu địa điểm khác để thực hiện dự án cho Công ty Li La Ma, nếu UBND tỉnh vẫn giao đất cho Công ty Li La Ma thì đề nghị cho phép Công ty Apatit tận thu quặng; Tham gia họp và ký biên bản cuộc họp hội đồng thành viên mở rộng ngày 24/9/2012 có nội dung liên quan đến diện tích 37.700 m^2; Ghi ý kiến đồng ý chủ trương cho phép Công ty Apatit nhập 1.231.089,12 tấn quặng theo đề nghị của Công ty Li La Ma vào Phiếu xin ý kiến số 74 ngày 27/5/2013 xin ý kiến của các thành viên Hội đồng thành viên Công ty Apatit; Ghi ý kiến đồng ý vào các phiếu xin ý kiến đối với các tờ trình duyệt giá mua quặng của Công ty Li La Ma.

Vì vậy, bị cáo N1 phải chịu trách nhiệm với khối lượng quặng apatit được khai thác trái phép mà Công ty Apatit đã tiêu thụ từ năm 2013 đến 2015 là

1.231.089,12 tấn.

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Khiêm về tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"* (quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét, thấy: Bị cáo Lương Văn N1 thật thà khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc Tày, với vai trò thứ yếu, là người cao tuổi, được tặng thưởng: 01 Huân chương lao động hạng ba; 01 Huy chương cựu chiến binh Việt Nam; 01 Huy chương vì sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt Nam; 01 Bằng khen của thủ tướng; 03 Bằng khen của Bộ Công thương, Ban chấp hành tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Tại Công văn số 5469/UBND-NC ngày 30-9-2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng, các bị cáo nhận thức rõ sai phạm, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, là công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo Na xuất trình sổ tiết kiệm số seri AAE1963962 lập ngày 01/10/2024 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai, số tiền 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và có đề nghị chuyển sang hình phạt tiền.

Theo Khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 thay đổi theo hướng có lợi cho người phạm tội, cụ thể "bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng…". Tuy nhiên, bị cáo vai trò thứ yếu, có tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức phạt của khung liền kề "bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng". Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Na chuyển hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về hành vi phạm tội các bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

3.1. Hành vi của nhóm bị cáo phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" (quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009).

Từ năm 2012 đến năm 2015, các bị cáo Nguyễn Văn V2, Mai Đình Định, Doãn Văn H5, Nguyễn Thanh D3, Lê Ngọc H8, Phan Văn C2, Ngô Đức H4, Lê Ngọc D1, Vũ Đình T7 đều biết rõ trong tổng diện tích 37.700m^2 đất tại thôn 2 xã ĐT, thành phố Lào Cai có một phần diện tích nằm chồng lấn vào diện tích Khai trường 18 đã được Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch quặng apatit tại Quyết định số 28 ngày 18/8/2008 và thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản tại khai trường 18 thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, các bị cáo đã soạn thảo, trình ký và ký các văn bản, giấy chứng nhận đầu tư và có ý kiến bút phê, chỉ đạo vào các tài liệu khác

có liên quan không đúng thẩm quyền, không đúng quy định của Luật khoáng sản 2010 để cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Li La Ma xây dựng dự án khách sạn, nhà hàng và tạo điều kiện cho Công ty Li La Ma khai thác và tiêu thụ trái phép 1.532.709,71 tấn quặng apatit, có trị giá 610.322.242.894 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* là có căn cứ, đúng pháp luật.

3.2. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy:

3.2.1. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn V2, thấy:

a) Theo Quyết định số 28/2008/QĐ-BCT ngày 18-8-2008 của Bộ công thương: "*Về việc phê duyệt quy hoạch thăm do, khai thác và tuyển quặng APATIT giai đoạn 2008-2020 có tính đến sau năm 2020*" tỉnh Lào Cai có trách nhiệm: "*Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp triển khai các dự án nêu tại quyết định này*". Tổng công ty hóa chất có trách nhiệm quản lý, khảo sát, quy hoạch sử dụng và khai thác mỏ quặng APATIT tại Lào Cai.

Ngày 27/4/2009, bị cáo Nguyễn Văn V2 thời điểm này là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000138 cho Công ty TNHH xây dựng thương mại Li La Ma (gọi tắt là Công ty Li La Ma) thuộc Bộ Xây Dựng, thực hiện dự án Khách sạn, nhà hàng trên diện tích đất 37.700 m^2 tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với tổng vốn đầu tư là 5.210.708.000 đồng.

Ngày 15/5/2009 bị cáo Nguyễn Mạnh T5 là Giám đốc Công ty Li La Ma ký Văn bản số 21/VB – ĐN gửi Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt nam (gọi tắt là Công ty Apatit) về việc xin nhập số lượng quặng apatit của Công ty Li La Ma trong khi thi công san gạt mặt bằng tại diện tích 37.700 m^2. Ngày 30/8/2009, Thừa ký Văn bản số 20/BC-GĐ gửi UBND tỉnh Lào Cai báo cáo, đề nghị với UBND tỉnh Lào Cai cho phép Công ty Li La Ma tiếp tục được thực hiện dự án đầu tư xây dựng khách sạn, nhà hàng và có hướng chỉ đạo để Công ty Li La Ma phối hợp với Công ty Apatit tổ chức khai thác tận thu hết quặng apatit có trong mặt bằng dự án và giao cho Công ty Apatit quản lý, sử dụng tài nguyên quặng apatit để đảm bảo mặt bằng cho Công ty Li La Ma thực hiện đầu tư xây dựng dự án phù hợp.

Ngày 28-9-2009, Biên bản làm việc xác định tình hình tài nguyên apatit khu vực diện tích đất 37.700 m^2 tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai nêu trên. Thành phần gồm có: Đại diện Sở tài nguyên môi trường và đại diện Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam. *Trong tổng số diện tích đất 37.700 m^2, có 1,8ha chồng lên khai trường 18.* Đây là Biên bản xác định thực tế quy hoạch, là có sở để điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khách sạn, nhà hàng. Tuy nhiên, không phải là văn bản pháp luật nên chỉ có giá trị tham khảo.

Căn cứ các báo cáo của các Sở, ngành chức năng, biên bản ngày 28-9-2009, ngày 27/01/2010, bị cáo Nguyễn Văn V2 ký Quyết định số 212/QĐ-UBND thu

hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000138 và chấm dứt thực hiện Dự án này của Công ty Li La Ma. Bị cáo đã ký Văn bản số 1744 ngày 7/7/2011 gửi Sở kế hoạch, UBND thành phố Lào Cai, Công ty Apatit, Công ty Li La Ma với nội dung: giao 37.700 m^2 đất đã bị thu hồi của Công ty Li La Ma cho Công ty Apatit quản lý, sử dụng và yêu cầu Công ty Apatit thanh toán các khoản chi phí mà Công ty Li La Ma đã triển khai.

Ngày 11/4/2012 bị cáo Nguyễn Văn V2 thời điểm này là Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ký Văn bản số 839/UBND-CN gửi Công ty Apatit có nội dung: "*Đồng ý giao cho Công ty Apatit Việt Nam tổ chức bảo vệ quặng apatit trong* phạm vi 37.700 m^2 thuộc khai trường 18, *xã ĐT, thành phố Lào Cai, đồng thời giao cho Công ty Apatit Việt Nam tiến hành cải tạo mặt bằng khu mỏ để xử lý nguy cơ gây sạt lở đất đá đưa mỏ về trạng thái an toàn nhằm bảo đảm môi trường khu vực xung quanh. Thời gian thực hiện là 02 tháng kể từ ngày ra văn bản. Trong quá trình cải tạo mặt bằng nếu khối lượng san gạt có kèm theo khoáng sản thì cho phép Công ty Apatit Việt Nam thu hồi và vận chuyển để quản lý và sử dụng theo quy định. Về việc cấp giấy phép khai thác, do đây là mỏ khoáng sản quy mô lớn nằm trong quy hoạch khoáng sản và thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Công ty Apatit Việt Nam làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn và giải quyết theo luật khoáng sản năm 2010. Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo trên, yêu cầu các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện".*

Ngày 03/12/2012, bị cáo V2 ký Văn bản số 3805/UBND-CN, trong đó có nội dung: *"...(2) Khu vực xin lập dự án của Công ty Li La Ma có diện tích 3,77ha. Trong đó có 0,65ha phía Tây Bắc nằm ngoài khu vực cấm, còn lại 3,12ha nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản. Do đó cho phép Công ty Li La Ma điều chỉnh lại diện tích dự án lấy bám theo mặt đường QL4D (chỉ lấy trong phạm vi từ ranh giới QL4D vào chiều sâu 250 mét) để tiếp tục thực hiện đầu tư khách sạn, nhà hàng. Đối với phần đuôi khai trường 18 chỉ cho phép làm khuôn viên của dự án và trồng cây xanh (không được xây dựng các công trình kiên cố)... (4) Trong quá trình thi công, thực hiện dự án khách sạn, nhà hàng nếu phát hiện có khoáng sản, Công ty Li La Ma phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, nếu được thu gom quặng apatit thì Công ty Li La Ma phải giao lại cho Công ty Apatit Việt Nam để quản lý, sử dụng. (5). Toàn bộ chi phí Công ty apatit Việt Nam đã đền bù, yêu cầu Công ty Li La Ma hoàn trả lại cho Công ty Apatit Việt Nam...".*

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V2 cho rằng, việc ban hành Văn bản số 3805/UBND-CN nêu trên để điều chỉnh lại dự án. Theo đó, xác định phần diện tích liên quan đến đuôi khai trường 18 thì không cho phép xây dựng, chỉ cho phép trồng cây xanh thuận lợi cho việc khai thác mỏ sau này.

Như vậy, tính đến thời điểm trước 30/12/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai vẫn chưa có văn bản pháp luật triển khai, thực hiện Quyết định số 28/2008/QĐ-BCT ngày 18-8-2008 của Bộ công thương, như: phối hợp với các

Bộ, ngành khoanh định và phê duyệt các khu vực cấm, tạm thời cấm hạn chế hoạt đông khoáng sản apatít. Việc xác định mốc giới hoàn toàn dựa vào Biên bản làm việc ngày 28-9-2009 và qua kiểm tra thực tế tại hiện trường. Vì vậy, cần xem xét giảm một phần trách nhiệm của bị cáo V2 đối với việc cấp phép cho Công ty Li La Ma thực hiện đầu tư khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố LC, tỉnh Lào Cai trái pháp luật.

Mặt khác, theo Văn bản số 839/UBND-CN, có nội dung "*Về việc cấp giấy phép khai thác, do đây là mỏ khoáng sản quy mô lớn nằm trong quy hoạch khoáng sản và thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Công ty Apatit Việt Nam làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn và giải quyết theo luật khoáng sản năm 2010"* và Văn bản số 3805/UBND-CN nêu trên, thể hiện "*Trong quá trình thi công, thực hiện dự án khách sạn, nhà hàng nếu phát hiện có khoáng sản, Công ty Li La Ma phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, nếu được thu gom quặng apatit thì Công ty Li La Ma phải giao lại cho Công ty Apatit Việt Nam để quản lý, sử dụng...".* Tuy nhiên, Công ty Apatit Việt Nam không thực hiện "làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường" và Công ty Li La Ma không báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, dẫn đến việc cấp phép khai thác trái thẩm quyền sau này, trách nhiệm chính thuộc về Công ty Apatit Việt Nam, Công ty Li La Ma và bị cáo V2 phải chịu một phần trách nhiệm không phối hợp để yêu cầu hai công ty thực hiện.

b) Ngày 03/01/2013, Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai ký Thông báo số 01/TB-SXD giới thiệu địa điểm đất lập dự án và có sơ đồ thửa đất kèm theo. Sau khi thực hiện xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, Công ty Li La Ma đã nộp hồ sơ xin thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 37.700 m^2 dự án khách sạn, nhà hàng.

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-TNMT ngày 20/3/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường, *bị cáo Doãn Văn H5 ký Quyết định số 755/QĐ - UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Lào Cai* phê duyệt cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Li La Ma, đồng thời ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 059286 cấp cho Công ty Li La Ma với diện tích 37.700 m^2, mục đích sử dụng: Xây dựng khách sạn, nhà hàng theo dự án được duyệt, thời hạn sử dụng đến hết ngày 17/12/2062 và Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai cấp Giấy phép xây dựng số 305/GPXD ngày 03/4/2013 cho Công ty Li La Ma.

Ngày 20/5/2013, bị cáo Doãn Văn H5 ký Văn bản số 1717/UBND-CN trong đó có nội dung như sau: "*Xét đề nghị tại Văn bản số 712/TNMT - KS ngày 15/5/2013 của Sở tài nguyên và Môi trường…Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau: (1).Trong quá trình thi công san gạt mặt bằng dự án khách sạn, nhà hàng tại thôn 2, xã ĐT, thành phố Lào Cai, Công ty Li La Ma phải thường xuyên theo dõi, lấy mẫu và phân tích mẫu để phát hiện các dấu hiệu liên quan đến khoáng sản. Nếu kết quả phân tích có phát hiện quặng (kể cả quặng nghèo), giao cho Công ty*

Li La Ma thu gom, thỏa thuận, thống nhất với Công ty Apatit Việt Nam để tập kết, quản lý, sử dụng theo quy định...(2). Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND thành phố Lào Cai kiểm tra, giám sát hướng dẫn Công ty Li La Ma thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai phối hợp với UBND thành phố Lào Cai kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Công ty Li La Ma thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty Li La Ma và Công ty Apatit Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai".

Như vậy, kể từ khi bị cáo Doãn Văn H5 giữ cương vị là Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Lào Cai, trực tiếp phụ trách lĩnh vực tài nguyên môi trường và từ tháng 12/2013 đến năm 2015 chức danh chủ tịch tỉnh Lào Cai. Bị cáo H5 ký Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 29/3/2013, Ký Văn bản số 3389 ngày 09/9/2013 về việc yêu cầu Công ty Li La Ma thực hiện đúng Văn bản số 1717; Ký Văn bản số 2241 ngày 17/6/2014 giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Công thương xem xét đề nghị của Công ty Li La Ma về việc cho Công ty cung cấp quặng apatit cho nhà máy chế biến sâu và các văn bản có liên quan, không đúng thẩm quyền, trái pháp luật. Các văn bản do bị cáo H5 ký là nguyên nhân chính dẫn đến việc vi phạm pháp luật của các bị cáo và dẫn đến hậu quả của vụ án này. Bị cáo V2 cho rằng, dự án này không thuộc theo dõi của Tỉnh ủy nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm với tư cách là người đứng đầu và phải chịu trách nhiệm về văn bản đã ký và hậu quả xảy ra như đã nêu trên. Do vậy, cần xác định vai trò của bị cáo V2 và bị cáo H5 là ngang nhau. Vì vậy, cần xem xét giảm án cho bị cáo V2 để đảm bảo công bằng đối với các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Văn V2 về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* (quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Công văn số 5469/UBND-NC ngày 30-9-2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng, các bị cáo nhận thức rõ sai phạm, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, là công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn V2 là người dân tộc Tày, người cao tuổi, được tặng thưởng: 01 Huân chương lao động hạng nhất; 01 Huân chương lao động hạng nhì; 01 Huân chương lao động hạng ba; 01 Huân chương độc lập hạng nhì; 02 Huy chương của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam; 03 Bằng khen của thủ tướng; 07 Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai; 01 Danh hiệu chiến sỹ thi đua toàn quốc; 03 Danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; 05 Chiến sĩ thi đua cơ sở; 16 Bằng khen của các bộ, ngành TW và địa phương gồm: Ủy ban kế hoạch nhà nước, Bộ kế hoạch đầu tư, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng thi đua – khen thưởng TW, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Tỉnh ủy Lào Cai, Chủ tịch UBND huyện Bắc Hà, Bộ trưởng Bộ giáo dục & đào tạo, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai; Bộ trưởng Bộ Công

an, Hội khuyến học Việt Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V2 thật thà khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo xuất trình Giấy xác nhận bà Phạm Thị T8 "mẹ vợ của bị cáo V2" là bà mẹ Việt nam anh hùng, theo quyết định số 1440/QĐ-CTN ngày 25-6-2014 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng và hồ sơ bệnh án "tăng huyết áp, tháo đường type 2, rối loạn chuyển hóa lipid, viêm da tiếp xúc dị ứng, viêm đa khớp, sỏi thận, viêm dạ dày..." và nộp số tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* vào ngân sách nhà nước theo bản sơ thẩm.

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

3.2.2. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc D1, thấy:

Bị cáo Lê Ngọc D1 giữ chức vụ là Trưởng phòng quản lý khoáng sản, Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai, được giao phụ trách về lĩnh vực quản lý khoáng sản. Bị cáo đã tham mưu và trình bị cáo Mai Đình Định ký Văn bản số 385 báo cáo UBND tỉnh đề xuất tạm giao Công ty Apatit tổ chức bảo vệ quặng apatit. Căn cứ văn bản này, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 839 cho phép Công ty Apatit thu hồi quặng apatit; Ký vào biên bản kiểm tra ngày 13/6/2012 về việc cải tạo mặt bằng khu mỏ phạm vi 37.700 m^2. Căn cứ vào Biên bản này, UBND tỉnh đã xem xét cấp GCNĐT cho Công ty Li La Ma; Ký Văn bản số 49 ngày 07/3/2013 giải trình kiến nghị của kiểm toán nhà nước về việc UBND tỉnh tạm giao cho Công ty Apatit san gạt, cải tạo mặt bằng dự án; Ký Văn bản số 712 ngày 15/5/2013 báo cáo UBND tỉnh. Căn cứ Văn bản này UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 1717 ngày 20/5/2013 cho phép Công ty Li La Ma thu gom, thỏa thuận với Công ty Apatit để tập kết quặng; Ký Văn bản số 20 ngày 05/02/2015 giải trình kiến nghị của kiểm toán nhà nước; Ký báo cáo số 406 ngày 19/3/2015 về kết quả kiểm tra việc khai thác khoáng sản của Công ty Li La Ma.

Từ năm 2012 đến năm 2015, các văn bản không đúng pháp luật nêu trên do bị cáo D1 tham mưu và ký đã tạo điều kiện cho Công ty Li La Ma khai thác và tiêu thụ trái phép 974.088 tấn quặng apatit trong phạm vi diện tích 22.674,2 m^2 đất nằm trong khai trường 18 (trên tổng diện tích đất thực hiện dự án là 37.700 m^2), có trị giá 312.665.041.400 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo D1 về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* (quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009) là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại Công văn số 5469/UBND-NC ngày 30-9-2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng, các bị cáo nhận thức rõ sai phạm, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, là công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Lê Ngọc D1 được tặng thưởng: 01 Bằng khen thủ tướng; 04 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban giám đốc

Học viện chính trị hành chính khu vực 1, Ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh Lào Cai; 05 Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở. Bị cáo được áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D1 thật thà khai báo, ăn năn hối cải và người nhà bị cáo D1 nộp thay bị cáo D1 số tiền 20.200.000 đồng (tiền án phí sơ thẩm và tiền phạt) theo phiếu thu số 0000031 ngày 25-9-2024 và giấy tặng "Huy hiệu vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai" của vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị Bích H3 và huy hiệu 55 tuổi Đảng của ông Nguyễn Ngọc D5 bố vợ của bị cáo D1.

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm một phần hình phạt cho bị cáo D1.

3.2.3. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn C2, thấy:

Bị cáo Phan Văn C2 nguyên là Phó Giám đốc Sở Công thương tỉnh Lào Cai, được giao nhiệm vụ trực tiếp phụ trách lĩnh vực năng lượng, kỹ thuật công nghệ. Bị cáo đã chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Apatit, Công ty Li La Ma kiểm tra thực địa bãi tập kết quặng tại khai trường 15B và ký tên vào biên bản kiểm tra ngày 29/8/2014; Ký Văn bản số 1111 ngày 03/9/2014 đề xuất UBND tỉnh cho phép Công ty Li La Ma được chọn lọc phần quặng apatit có hàm lượng cao để tiêu thụ cho các nhà máy chế biến sâu. Căn cứ vào Văn bản số 1111 nên bị cáo Lê Ngọc H8 đã ký Văn bản số 3458 ngày 05/9/2014 cho phép Công ty Li La Ma được chọn lọc phần quặng apatit có hàm lượng cao để tiêu thụ cho các nhà máy chế biến sâu. Hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện cho Công ty Li La Ma tiêu thụ trái phép 88.536 tấn quặng apatit các loại có giá trị 87.234.520.800 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo C2 về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* (quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009) là có căn cứ đúng pháp luật.

Về kháng cáo xin hưởng án treo:

Bị cáo vai trò là Phó Giám đốc Sở Công thương, không có chức năng tham gia trực tiếp vào cấp giấy phép và cho phép Công ty Apatit, Công ty Li La Ma khai thác khoáng sản. Văn bản số 1111 bị cáo C2 ký vào ngày ngày 03/9/2014, sau thời điểm Lãnh đạo UBND tỉnh Lào cai ký các văn bản cho phép Công ty Apatit, Công ty Li La Ma khai thác quặng.

Bị cáo Phan Văn C2 được tặng thưởng: 01 Huân chương lao động hạng ba; 01 Bằng khen của Thủ tướng; 12 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ công nghiệp, Bộ trưởng bộ công thương, Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai, Hội khoa học và công nghệ mỏ Việt Nam, Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh Lào Cai, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai; 01 Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; 07 danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

Bị cáo C2 có vai trò thứ yếu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người cao tuổi, dân tộc Tày. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C2 xuất trình 03 Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát đối với bị cáo, 02 Giấy khen của bà Đỗ Thị Q(vợ bị

cáo), 01 bằng khen của con bị cáo là Phan Thị Diệu L4, Huân chương kháng chiến hạng nhì, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Bằng khen của Hội liên hiệp phụ nữ của bà Nông Thị V4 mẹ đẻ của bị cáo và bị cáo có chú ruột là ông Phan Văn X là liệt sỹ chống Mỹ cứu nước. Giấy xác nhận về thành tích nông thôn mới tại xã Bản Liền, huyện BH, tỉnh LC, UBND xã Bản Liền và các đơn vị chức năng đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo C2. Bị cáo xuất trình hồ sơ bệnh án "tăng huyết áp, rối loạn chuyển hóa lipid, cơn đau thắt ngực, hở van hai lá và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai đã vào Viện mổ tim 01 lần ..." và nộp số tiền phạt bổ sung bị cáo 20.200.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng hai trăm nghìn đồng)* vào ngân sách nhà nước.

Tại Công văn số 5469/UBND-NC ngày 30-9-2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng, các bị cáo nhận thức rõ sai phạm, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, là công dân có ích cho xã hội.

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo Phan Văn C2 được hưởng án treo và giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục; trường hợp bị cáo Phan Văn C2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

4. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Phương T4, anh Nguyễn Quang T3 con của bị cáo Nguyễn Mạnh T5) có đơn kháng cáo đề nghị tuyên trả lại lô đất diện tích 262,5m^2 tại địa chỉ 03 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vì thửa đất nêu trên không phải của Công ty Li La Ma, và cho rằng lô đất trên là của vợ chồng chị Đỗ Phương Thúy, anh Nguyễn Quang Triệu nhưng nhờ bố là bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đứng tên hộ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tổng số tiền còn phải truy thu nộp ngân sách nhà nước là 171.912.819.569 đồng, trong đó Công ty Li La Ma phải nộp 156.592.360.311 đồng, Công ty Đức Giang phải nộp 9.628.436.025 đồng; Công ty phốt pho vàng phải nộp 5.692.023.233 đồng. Nguyên nhân dẫn đến số tiền thiệt hại của công ty có trách nhiệm của của bị cáo Nguyễn Mạnh T5. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục tạm giữ và tiếp tục kê biên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền phải nộp lại ngân sách nhà nước của Công ty Li La Ma đối với lô đất diện tích 262,5m^2 tại địa chỉ 03 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là đúng. Đơn kháng cáo của vợ chồng chị Đỗ Phương T4, anh Nguyễn Quang T3 cho rằng, lô đất trên là của vợ chồng chị Đỗ Phương T4, anh Nguyễn Quang T3 nhưng nhờ bố là bị cáo Nguyễn Mạnh T5 đứng tên hộ nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Phương T4, anh Nguyễn Quang Tr3, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

5. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L2 kháng cáo đề nghị trả lại cho bà 01 thửa đất có GCNQSDĐ số H00019 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 09/10/2007 thửa số 52, tờ bản đồ P601, diện tích 301m^2 tại địa chỉ: Thôn An Tiến, xã Sơn Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; 01 thửa đất và nhà xây trên đất có GCNQSDĐ số 00740 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 22/4/2004; 01 xe ô tô BMW X6 màu đen, biển kiểm soát 24A-00968 và giấy tờ kèm theo. Vì tài sản này là của gia đình không phải của bị cáo Nguyễn Mạnh T5.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự thì cần truy thu số tiền nêu trên để nộp vào ngân sách nhà nước. Trong trường hợp thành viên gia đình có tranh chấp với nhau về quyền sở hữu tài sản thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm truy thu số tiền nêu trên để nộp vào ngân sách nhà nước là đúng. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị L2, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

6. Xét kháng cáo của Công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam kháng cáo đề nghị không xác định số tiền 5.692.023.233 đồng là tiền thu lợi bất chính và không truy thu số tiền này của công ty.

Tại đơn kháng cáo đại diện Công ty Đức Giang và Công ty Phốt pho vàng không đồng ý truy thu số tiền hai Công ty thu được từ việc mua bán quặng với Công ty Li La Ma. Xét thấy, việc khai thác và tiêu thụ quặng apatit của Công ty Li La Ma là không đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm mua bán, hai Công ty không biết số quặng apatit của Công ty Li La Ma được khai thác trái phép nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự của hai Công ty. Tuy nhiên, số tiền Công ty Đức Giang và Công ty Phốt pho vàng thu được từ việc mua bán quặng với Công ty Li La Ma được xác định là số tiền có được từ hành vi phạm tội, là số tiền thu lợi bất chính. Tòa án cấp sơ thẩm, quyết định truy thu số tiền nêu trên để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự là đúng. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngoài ra, các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

7. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, Nguyễn Văn V2, Lê Ngọc D1, Phan Văn C2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết Số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí;

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, Nguyễn Văn V2, Lê Ngọc D1, Phan Văn C2;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đối với phần hình phạt của các bị cáo kháng cáo, như sau:

- Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, phạm tội *"Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên"*.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V2, Lê Ngọc D1, Phan Văn C2 phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".*

- Về hình phạt:

+ Áp dụng Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 227; Điều 35; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Quang H1 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm) triệu đồng.

+ Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Cao K1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2021 đến ngày 29/6/2022.

+ Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 35; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 54, 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Phạt tiền bị cáo Lương Văn N1 900.000.000 (chín trăm) triệu đồng.

+ Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V2 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 04/8/2023. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng Khoản 3, khoản 4 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Phan Văn C2 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người được hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Phan Văn C2 phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Phương Thúy, anh Nguyễn Quang Triệu và Công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Lan. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định các biện pháp tư pháp, cụ thể:

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 128; điểm d khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự:

** Về trách nhiệm nộp lại số tiền thu lợi bất chính:*

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Li La Ma phải nộp lại số tiền 156.592.360.311 đồng *(Một trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn ba trăm mười một đồng)* vào ngân sách nhà nước.

Buộc Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang Lào Cai (nay là Công ty TNHH một thành viên hoá chất Đức Giang Lào Cai) phải nộp lại số tiền 9.628.436.025 đồng *(Chín tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai mươi lăm đồng)* vào ngân sách nhà nước*;*

Buộc Công ty TNHH Phốt pho Vàng Việt Nam phải nộp lại số tiền 5.692.023.233 đồng *(Năm tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu không trăm hai mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)* vào ngân sách nhà nước.

** Về xử lý tài sản, đồ vật bị thu giữ, kê biên; tài khoản bị phong tỏa:*

Tạm giữ các tài sản của bị cáo Nguyễn Mạnh T5 để đảm bảo thi hành khoản tiền Công ty TNHH xây dựng thương mại Li La Ma phải nộp lại ngân sách nhà nước gồm:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu BMW X6, sơn màu đen, xe đã cũ, đã qua sử dụng, BKS: 24A-009.68, số khung WBAFG21040L512906, số máy 07987842N55B30A, kèm theo 01 chìa khóa xe ô tô, thu giữ của Nguyễn Mạnh T5;

- 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035489 mang tên Nguyễn Mạnh T5, biển số đăng ký 24A-009.68;

- 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD 1778010 cấp cho xe ô tô BKS 24A-009.68 cấp ngày 15/5/2020 thu giữ của Nguyễn Mạnh T5;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 52 ngày 26/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai)

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/CQCSĐT-PC03 ngày 08/9/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với những tài sản của bị cáo Nguyễn Mạnh T5 để đảm bảo thi hành khoản tiền phải nộp lại ngân sách nhà nước của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Li La Ma gồm:

- Thửa đất và nhà xây trên đất, có GCNQSD đất số 00740 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 22/4/2004, thửa đất số 110, tờ bản đồ số P3 – 12, 388,5 m^2 (trong đó có 120m^2 đất ở đô thị và 268,5 m^2 đất vườn), chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Mạnh T5, bà Vũ Thị L2, địa chỉ thửa đất: tổ dân phố Phú Cường 1, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;

- Thửa đất, có GCNQSD đất số H00019 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 09/10/2007 thửa đất số 52, tờ bản đồ số P6 - 01 diện tích 301m^2 đất ở nông thôn, tên người sử dụng đất: ông Nguyễn Mạnh T5 và bà Vũ Thị L2, địa chỉ thửa đất: thôn An Tiến, xã SH, huyện BT, tỉnh LC;

- Thửa đất (Không bao gồm tài sản trên đất) có GCNQSD đất số T00153 do UBND tỉnh Lào Cai cấp ngày 14/3/2005, diện tích 262.5m^2, tên người sử dụng đất: Công ty TNHH xây dựng thương mại Lilama, địa chỉ thửa đất: Khu K30, đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là số nhà 003, đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai);

3. Ghi nhận: Bị cáo Nguyễn Quang H1 đã nộp 50.200.000 (năm mươi triệu hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0000028 ngày 12/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Bị cáo Nguyễn Văn V2 đã nộp 30.200.000 (ba mươi triệu hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0000024 ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;

Bị cáo Lê Ngọc D1 nộp 20.200.000 (hai mươi triệu hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000031 ngày 25/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;

Bị cáo Phan Văn C2 nộp 20.200.000 (hai mươi triệu hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0000033 ngày 25/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Các bị cáo Nguyễn Quang H1, Phạm Cao K1, Lương Văn N1, Nguyễn Văn V2, Lê Ngọc D1, Phan Văn C2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- TTG - Công an tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- Các bị cáo (qua trại, theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường